

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Minh Ngọc
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG
VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG
TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Minh Ngọc
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Minh Ngọc

Mã SV: 1113401041

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP Vận Tải Thủy Số 4

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
CHƯƠNG I	4
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG, CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	4
1.1. Đặc điểm, vai trò, vị trí của tiền lương và các khoản trích theo tiền lương trong doanh nghiệp.....	4
1.1.1. Bản chất và chức năng của tiền lương	4
1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của tiền lương	4
1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới tiền lương.....	5
1.2. Các hình thức tiền lương trong doanh nghiệp.....	6
1.2.1. Hình thức tiền lương theo thời gian:	6
1.2.2. Hình thức tiền lương theo sản phẩm	7
1.2.3. Các hình thức đãi ngộ khác ngoài tiền lương:	8
1.3. Quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN và KPCĐ.....	9
1.3.1 Quỹ tiền lương:	9
1.3.2. Quỹ bảo hiểm xã hội	10
1.3.3. Quỹ Bảo Hiểm Y Tế	10
1.3.4. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN).....	11
1.3.5. Kinh phí công đoàn:	12
1.4. Yêu cầu và nhiệm vụ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.	12
1.5 Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương	13
1.5.1. Hạch toán số lượng lao động:	13
1.5.2. Hạch toán thời gian lao động:	13
1.5.3. Hạch toán kết quả lao động:.....	14
1.5.4. Hạch toán tiền lương cho người lao động:.....	15
1.6. Hạch toán tổng hợp và các khoản trích theo lương	16
1.6.1. Các chứng từ ban đầu hạch toán tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	16
1.6.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương.....	16
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4.....	22
2.1. Tổng quan về công ty CP Vận tải thủy số 4	22
2.1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển của Công ty CP Vận tải thủy số 4.	22
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ sản xuất của Công ty CP Vận tải thủy số 4.	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.	25
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Vận tải thủy số 4:	30
2.1.5. Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.	33
2.1.6. Quy trình sản xuất của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.....	34
2.1.7. Tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây của công ty	35

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.8. Phương hướng phát triển của công ty trong những năm tới.	38
2.2. Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP Vận tải thủy số 4.....	40
2.2.1. Tổ chức lao động tiền lương	40
2.2.2. Quy chế tiền lương - tiền thưởng.	41
2.2.3. Cách tính lương và các khoản trích theo lương tại công ty.	42
2.2.4. Sổ sách kế toán và chứng từ liên quan đến công tác quản lý và kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	45
2.2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ:.....	47
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4.....	70
3.1. Nhận xét về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty	70
3.1.1. Ưu điểm:.....	71
3.1.2. Nhược điểm:.....	72
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty.....	73
KẾT LUẬN	78

LỜI NÓI ĐẦU

Tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện nay đòi hỏi người quản lý doanh nghiệp phải biết vận dụng những khả năng sẵn có của mình và vận dụng cơ chế đàn hồi của thị trường để hạch toán kinh doanh. Hạch toán vận tải là một trong những công cụ quản lý sắc bén không thể thiếu được trong quản lý kinh tế tổ chức của các đơn vị cũng như trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nhận thức được vai trò quan trọng đó của vận tải. Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 - số 436 đường Hùng Vương - quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng. Em đã tìm hiểu, học hỏi về công tác vận tải của đơn vị mà trọng tâm là khâu hạch toán vận tải hàng hoá.

Trong nền kinh tế thị trường thì vận tải được sử dụng như một đòn bẩy kinh tế quan trọng, kích thích động viên người lao động gắn bó với công việc, phát huy sáng tạo trong lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để biết được công tác tổ chức quản lý sản xuất, hạch toán vận tải. Từ đó để biết tình hình sử dụng lao động, tính hiệu quả đúng đắn các giải pháp vận tải mà doanh nghiệp đã đề ra và thực hiện, phải đảm bảo đúng nguyên tắc chế độ hạch toán, quản lý phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Trong quá trình tìm hiểu về lý luận và thực tiễn để hoàn thành chuyên đề này em đã nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của Ban lãnh đạo, các cô, các chú ở phòng vận tải và các phòng ban khác tại công ty Cổ phần vận tải thủy số 4. Đặc biệt, được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sĩ **Trần Thị Thanh Thảo**, em đã lựa chọn đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương” của công ty **Cổ phần vận tải thủy số 4**.

Khóa luận của em gồm 3 phần :

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP Vận tải thủy số 4

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP Vận tải thủy số 4

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Do khả năng nhận thức và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế, vì thế chuyên đề này sẽ không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, Ban lãnh đạo và phòng kế toán tại công ty, để em có điều kiện bổ sung kiến thức phục vụ tốt trong công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Phạm Minh Ngọc

CHƯƠNG I

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG,
CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC
DOANH NGHIỆP**

1.1. Đặc điểm, vai trò, vị trí của tiền lương và các khoản trích theo tiền lương trong doanh nghiệp.

1.1.1. Bản chất và chức năng của tiền lương

Tiền lương là biểu hiện bằng tiền phần sản phẩm xã hội trả cho người lao động tương ứng với thời gian chất lượng và kết quả lao động mà họ đã cống hiến. Như vậy tiền lương thực chất là khoản trả lao mà doanh nghiệp trả cho người lao động trong thời gian mà họ cống hiến cho doanh nghiệp. Tiền lương có thể biểu hiện bằng tiền hoặc bằng sản phẩm. Tiền lương có chức năng vô cùng quan trọng nó là đòn bẩy kinh tế vừa khuyến khích người lao động chấp hành kỷ luật lao động, đảm bảo ngày công, giờ công, năng suất lao động, vừa tiết kiệm chi phí về lao động, hạ giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của tiền lương

1.1.2.1. Vai trò của tiền lương

Tiền lương có vai trò rất to lớn nó làm thoả mãn nhu cầu của người lao động. Vì tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động, người lao động đi làm cốt là để cho doanh nghiệp trả thù lao cho họ bằng tiền lương để đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho họ. Đồng thời đó cũng là khoản chi phí doanh nghiệp bỏ ra trả cho người lao động vì họ đã làm ra sản phẩm cho doanh nghiệp. Tiền lương có vai trò như một nhịp cầu nối giữa người sử dụng lao động với người lao động. Nếu tiền lương trả cho người lao động không hợp lý sẽ làm cho người lao động không đảm bảo ngày công và kỉ luật lao động cũng như chất lượng lao động. Lúc đó doanh nghiệp sẽ không đạt được mức tiết kiệm chi phí lao động cũng như lợi nhuận cần có được để doanh

nghiệp tồn tại lúc này cả hai bên đều không có lợi. Vì vậy việc trả lương cho người lao động cần phải tính toán một cách hợp lý để cả hai bên cùng có lợi đồng thời kích thích người lao động tự giác và hăng say lao động.

1.1.2.2 . ý nghĩa của tiền lương

Tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số nguồn thu nhập khác như: Trợ cấp BHXH, tiền thưởng, tiền ăn ca. Chi phí tiền lương là một phần chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp sản xuất ra. Tổ chức sử dụng lao động hợp lý, hạch toán tốt lao động, trên cơ sở đó tính đúng thù lao lao động, thanh toán kịp thời tiền lương và các khoản liên quan từ đó kích thích người lao động quan tâm đến thời gian, kết quả và chất lượng lao động, chấp hành tốt kỷ luật lao động, nâng cao năng suất lao động, góp phần tiết kiệm chi phí về lao động sống, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới tiền lương

Giờ công, ngày công lao động, năng suất lao động, cấp bậc hoặc chức danh, thang lương quy định, số lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành, độ tuổi, sức khỏe, trang thiết bị kỹ thuật đều là những nhân tố ảnh hưởng đến tiền lương cao hay thấp

+Giờ công: Là số giờ mà người lao động phải làm việc theo quy định.

Ví Dụ: 1 ngày công phải đủ 8 giờ... nếu làm không đủ thì nó có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất sản phẩm, đến năng suất lao động và từ đó ảnh hưởng đến tiền lương của người lao động.

+Ngày công: Là nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến tiền lương của người lao động, ngày công quy định trong tháng là 22 ngày. Nếu người lao động làm thay đổi tăng hoặc giảm số ngày lao việc thì tiền lương của họ cũng thay đổi theo.

+Cấp bậc, Chức danh: Căn cứ vào mức lương cơ bản của các cấp bậc, chức vụ, chức danh mà CBCNV hưởng lương theo hệ số phụ cấp cao hay thấp theo quy định của nhà nước do vậy lương của CBCNV cũng bị ảnh hưởng rất nhiều.

+Số lượng chất lượng hoàn thành cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiền lương. Nếu làm được nhiều sản phẩm có chất lượng tốt đúng tiêu chuẩn và vượt mức số sản phẩm được giao thì tiền lương sẽ cao. Còn làm ít hoặc chất lượng sản phẩm kém thì tiền lương sẽ thấp.

+Độ tuổi và sức khỏe cũng ảnh hưởng rất ảnh hưởng rất lớn đến tiền lương. Nếu cùng 1 công việc thì người lao động ở tuổi 30 - 40 có sức khỏe tốt hơn và làm tốt hơn những người ở độ tuổi 50 - 60.

+Trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ cũng ảnh hưởng rất lớn tới tiền lương. Với 1 trang thiết bị cũ kỹ và lạc hậu thì không thể đem lại những sản phẩm có chất lượng cao và cũng không thể đem lại hiệu quả sản xuất như những trang thiết bị kỹ thuật công nghệ tiên tiến hiện đại được. Do vậy ảnh hưởng tới số lượng và chất lượng sản phẩm hoàn thành cũng từ đó nó ảnh hưởng tới tiền lương.

1.2. Các hình thức tiền lương trong doanh nghiệp.

1.2.1. Hình thức tiền lương theo thời gian:

Tiền lương trả cho người lao động tính theo thời gian làm việc, cấp bậc hoặc chức danh và thang lương theo quy định theo 2 cách: Lương thời gian giản đơn và lương thời gian có thưởng

- Lương thời gian giản đơn được chia thành:

+Lương tháng: Tiền lương trả cho người lao động theo thang bậc lương quy định gồm tiền lương cấp bậc và các khoản phụ cấp (nếu có). Lương tháng thường được áp dụng trả lương nhân viên làm công tác quản lý hành chính, quản lý kinh tế và các nhân viên thuộc các ngành hoạt động không có tính chất sản xuất.

+Lương ngày: Được tính bằng cách lấy lương tháng chia cho số ngày làm việc theo chế độ. Lương ngày làm căn cứ để tính trợ cấp BHXH phải trả CNV, tính trả lương cho CNV trong những ngày hội họp, học tập, trả lương theo hợp đồng.

+Lương giờ: Được tính bằng cách lấy lương ngày chia cho số giờ làm việc trong ngày theo chế độ. Lương giờ thường làm căn cứ để tính phụ cấp làm thêm giờ.

- Lương thời gian có thưởng: là hình thức tiền lương thời gian giản đơn kết hợp với chế độ tiền thưởng trong sản xuất.

Hình thức tiền lương thời gian mặc dù đã tính đến thời gian làm việc thực tế, tuy nhiên nó vẫn còn hạn chế nhất định đó là chưa gắn tiền lương với chất lượng và kết quả lao động, vì vậy các doanh nghiệp cần kết hợp với biện pháp khuyến khích vật chất, kiểm tra chấp hành kỷ luật lao động nhằm tạo cho người lao động tự giác làm việc, làm việc có kỷ luật và năng suất cao.

1.2.2. Hình thức tiền lương theo sản phẩm

Hình thức lương theo sản phẩm là tiền lương trả cho người lao động được tính theo số lượng, chất lượng của sản phẩm hoàn thành hoặc khối lượng công việc đã làm xong được nghiệm thu. Để tiến hành trả lương theo sản phẩm cần phải xây dựng được định mức lao động, đơn giá lương hợp lý trả cho từng loại sản phẩm, công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phải kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm chặt chẽ.

1.2.2.1. Theo sản phẩm trực tiếp:

Là hình thức tiền lương trả cho người lao động được tính theo số lượng sản phẩm hoàn thành đúng quy cách, phẩm chất và đơn giá lương sản phẩm. **Đây** là hình thức được các doanh nghiệp sử dụng phổ biến để tính lương phải trả cho CNV trực tiếp sản xuất hàng loạt sản phẩm.

+ Trả lương theo sản phẩm có thưởng: Là kết hợp trả lương theo sản phẩm trực tiếp hoặc gián tiếp và chế độ tiền thưởng trong sản xuất (thưởng tiết kiệm vật tư, thưởng tăng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm).

+ Trả lương theo sản phẩm lũy tiến: Theo hình thức này tiền lương trả cho người lao động gồm tiền lương tính theo sản phẩm trực tiếp và tiền lương tính theo tỷ lệ lũy tiến căn cứ vào mức độ vượt định mức lao động của họ. Hình thức này nên áp dụng ở những khâu sản xuất quan trọng, cần thiết phải đẩy nhanh tiến độ sản xuất hoặc cần động viên công nhân phát huy sáng kiến phá vỡ định mức lao động.

1.2.2.2. Theo sản phẩm gián tiếp:

Được áp dụng để trả lương cho công nhân làm các công việc phục vụ sản xuất ở các bộ phận sản xuất như: công nhân vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bảo dưỡng máy móc thiết bị. Trong trường hợp này căn cứ vào kết quả sản xuất của lao động trực tiếp để tính lương cho lao động phục vụ sản xuất.

1.2.2.3. Theo khối lượng công việc:

Là hình thức tiền lương trả theo sản phẩm áp dụng cho những công việc lao động đơn giản, công việc có tính chất đột xuất như: khoán bốc vác, khoán vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm.

1.2.3. Các hình thức đãi ngộ khác ngoài tiền lương:

Ngoài tiền lương, công nhân viên có thành tích trong sản xuất, trong công tác được hưởng khoản tiền thưởng, việc tính toán tiền lương căn cứ vào quyết định và chế độ khen thưởng hiện hành

Tiền thưởng thi đua từ quỹ khen thưởng, căn cứ vào kết quả bình xét A,B,C và hệ số tiền thưởng để tính.

Tiền thưởng về sáng kiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư, tăng năng suất lao động căn cứ vào hiệu quả kinh tế cụ thể để xác định.

1.3. Quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN và KPCĐ

1.3.1 Quỹ tiền lương:

Là toàn bộ số tiền lương trả cho số CNV của doanh nghiệp do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và chi trả lương. Quỹ tiền lương của doanh nghiệp gồm:

- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian làm việc thực tế và các khoản phụ cấp thường xuyên như phụ cấp làm đêm, thêm giờ, phụ cấp khu vực.

- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất, do những nguyên nhân khách quan, thời gian nghỉ phép.

- Các khoản phụ cấp thường xuyên: phụ cấp học nghề, phụ cấp thâm niên, phụ cấp làm đêm, thêm giờ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp khu vực, phụ cấp dạy nghề, phụ cấp công tác lưu động, phụ cấp cho những người làm công tác khoa học- kỹ thuật có tài năng.

- Về phương diện hạch toán kế toán, quỹ lương của doanh nghiệp được chia thành 2 loại : tiền lương chính, tiền lương phụ.

- + Tiền lương chính: Là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian họ thực hiện nhiệm vụ chính: gồm tiền lương cấp bậc, các khoản phụ cấp.

- + Tiền lương phụ: Là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian họ thực hiện nhiệm vụ chính của họ, thời gian người lao động nghỉ phép, nghỉ lễ tết, ngừng sản xuất được hưởng lương theo chế độ.

Trong công tác hạch toán kế toán tiền lương chính của công nhân sản xuất được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất từng loại sản phẩm, tiền lương phụ của công nhân sản xuất được hạch toán và phân bổ gián tiếp vào chi phí sản xuất các loại sản phẩm có liên quan theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

1.3.2. Quỹ bảo hiểm xã hội

Quỹ BHXH là khoản tiền được trích lập theo tỉ lệ quy định là 24% trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp nhằm giúp đỡ họ về mặt tinh thần và vật chất trong các trường hợp CNV bị ốm đau, thai sản, tai nạn, mất sức lao động.

Quỹ BHXH được hình thành do việc trích lập theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả CNV trong kỳ, Theo chế độ hiện hành, hàng tháng doanh nghiệp tiến hành trích lập quỹ BHXH theo tỷ lệ 24% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng, trong đó 17% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 7% trừ vào lương của người lao động.

Quỹ BHXH được trích lập nhằm trợ cấp công nhân viên có tham gia đóng góp quỹ trong trường hợp họ bị mất khả năng lao động, cụ thể:

- Trợ cấp công nhân viên ốm đau, thai sản.
- Trợ cấp công nhân viên khi bị tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp.
- Trợ cấp công nhân viên khi về hưu, mất sức lao động.
- Chi công tác quản lý quỹ BHXH

Theo chế độ hiện hành, toàn bộ số trích BHXH được nộp lên cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm để chi trả các trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động.

Tại doanh nghiệp hàng tháng doanh nghiệp trực tiếp chi trả BHXH cho CNV bị ốm đau, thai sản. Trên cơ sở các chứng từ hợp lý hợp lệ. Cuối tháng doanh nghiệp, phải thanh quyết toán với cơ quan quản lý quỹ BHXH.

1.3.3. Quỹ Bảo Hiểm Y Tế

Quỹ BHYT là khoản tiền được tính toán và trích lập theo tỉ lệ quy định là 4.5% trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty nhằm phục vụ, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Cơ quan Bảo Hiểm sẽ thanh toán về chi phí khám chữa bệnh theo tỉ lệ

nhất định mà nhà nước quy định cho những người đã tham gia đóng bảo hiểm.

Quỹ BHYT được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân viên trong kỳ. Theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp trích quỹ BHXH theo tỷ lệ 4,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng, trong đó 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 1,5% trừ vào lương của người lao động. Quỹ BHYT được trích lập để tài trợ cho người lao động có tham gia đóng góp quỹ trong các hoạt động khám chữa bệnh.

Theo chế độ hiện hành, toàn bộ quỹ BHYT được nộp lên cơ quan chuyên môn chuyên trách để quản lý và trợ cấp cho người lao động thông qua mạng lưới y tế.

1.3.4. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

Là khoản tiền do người lao động, người sử dụng lao động đóng góp cộng cùng một phần hỗ trợ của nhà nước. Quỹ chung để hỗ trợ người lao động khi họ bị mất việc làm. Đây là một chính sách mới của nhà nước góp phần ổn định đời sống và hỗ trợ cho người lao động được học nghề và tìm việc làm, sớm đưa họ trở lại làm việc

Quỹ BHTN được hình thành từ các nguồn:

- + Từ người lao động: người lao động đóng góp 1% phần lương cơ bản
- + Từ người sử dụng lao động: DN đóng góp 1% trên lương cơ bản của lao động trong doanh nghiệp, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- + Nhà nước hỗ trợ: hàng tháng Nhà nước hỗ trợ từ Ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và mỗi năm chuyển một lần.

Quỹ BHTN do cơ quan chuyên môn quản lý. Hàng tháng căn cứ vào quỹ lương doanh nghiệp trích nộp BHTN. Việc chi trả BHTN cho người lao động do tổ chức bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định.

Để kính thích người lao động rèn luyện tay nghề, nâng cao trình độ, gắn bó lâu dài với công ty. Doanh nghiệp cần sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động, hoàn thiện công tác tổ chức tiền lương và chế độ sử dụng quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

1.3.5. Kinh phí công đoàn:

Kinh Phí Công Đoàn là khoản tiền được trích lập theo tỷ lệ là 2% trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động đồng thời duy trì hoạt của công đoàn tại doanh nghiệp.

Theo chế độ hiện hành hàng tháng doanh nghiệp trích 2% kinh phí công đoàn trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng và tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động. Toàn bộ số kinh phí công đoàn trích được một phần nộp lên cơ quan công đoàn cấp trên, một phần để lại doanh nghiệp để chi tiêu cho hoạt động công đoàn tại doanh nghiệp. Kinh phí công đoàn được trích lập để phục vụ chi tiêu cho hoạt động của tổ chức công đoàn nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

1.4. Yêu cầu và nhiệm vụ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Để phục vụ sự điều hành và quản lý lao động, tiền lương có hiệu quả, kế toán lao động, tiền lương trong doanh nghiệp sản xuất phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng, thời gian và kết quả lao động. Tính đúng và thanh toán kịp thời, đầy đủ tiền lương và các khoản liên quan khác cho người lao động trong doanh nghiệp. Kiểm tra tình hình huy động và sử dụng lao động, việc chấp hành chính sách chế độ về lao động, tiền lương, tình hình sử dụng quỹ tiền lương

- Hướng dẫn và kiểm tra các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, đúng chế độ ghi chép ban đầu về lao động, tiền lương. Mở sổ thẻ kế toán và hạch toán lao động, tiền lương đúng chế độ, đúng phương pháp.

- Tính toán phân bổ chính xác, đúng đối tượng chi phí tiền lương, các khoản theo lương vào chi phí sản xuất kinh doanh của các bộ phận, đơn vị sử dụng lao động.

- Lập báo cáo kế toán và phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, đề xuất biện pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động trong doanh nghiệp.

1.5 Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương

1.5.1. Hạch toán số lượng lao động:

Căn cứ vào chứng từ ban đầu là bảng chấm công hàng tháng tại mỗi bộ phận, phòng ban, tổ, nhóm gửi đến phòng kế toán để tập hợp và hạch toán số lượng lao động trong tháng đó tại doanh nghiệp và cũng từ bảng chấm công kế toán có thể nắm được từng ngày có bao nhiêu người làm việc, bao nhiêu người nghỉ với lý do gì.

Hàng ngày tổ trưởng hoặc người có trách nhiệm sẽ chấm công cho từng người tham gia làm việc thực tế trong ngày tại nơi mình quản lý sau đó cuối tháng các phòng ban sẽ gửi bảng chấm công về phòng kế toán. Tại phòng kế toán, kế toán tiền lương sẽ tập hợp và hạch toán số lượng công nhân viên lao động trong tháng.

1.5.2. Hạch toán thời gian lao động:

Chứng từ để hạch toán thời gian lao động là Bảng Chấm Công

Bảng Chấm Công là bảng tổng hợp dùng để theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc, ngừng việc, nghỉ bảo hiểm xã hội của từng người cụ thể và từ đó để có căn cứ tính trả lương, bảo hiểm xã hội trả thay lương cho từng người và quản lý lao động trong doanh nghiệp.

Hàng ngày tổ trưởng (phòng, ban, nhóm...) hoặc người được uỷ quyền căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận mình quản lý để chấm công cho từng

người trong ngày và ghi vào các ngày tương ứng trong các cột từ 1 đến 31 theo các kí hiệu quy định trong bảng. Cuối tháng người chấm công và phụ trách bộ phận ký vào bảng chấm công và chuyển bảng chấm công cùng các chứng từ liên quan như phiếu nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội về bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu, quy ra công để tính lương và bảo hiểm xã hội. Kế toán tiền lương căn cứ vào các ký hiệu chấm công của từng người rồi tính ra số ngày công theo từng loại tương ứng để ghi vào các cột 32, 33, 34, 35, 36. Ngày công quy định là 8 giờ nếu giờ còn lẻ thì đánh thêm dấu phẩy ví dụ: 24 công 4 giờ thì ghi 24,4

Bảng Chấm Công có thể chấm công tổng hợp: Chấm công ngày và chấm công giờ, chấm công nghỉ bù nên tại phòng kế toán có thể tập hợp tổng số liệu thời gian lao động của từng người. Tùy thuộc vào điều kiện, đặc điểm sản xuất, công tác và trình độ hạch toán đơn vị có thể sử dụng một trong các phương pháp chấm công sau đây:

Chấm công ngày: Mỗi khi người lao động làm việc tại đơn vị hoặc làm việc khác như họp thì mỗi ngày dùng một ký hiệu để chấm công trong ngày đó.

Chấm công theo giờ: Trong ngày người lao động làm bao nhiêu công việc thì chấm công theo các ký hiệu đã quy định và ghi số giờ công việc thực hiện công việc đó bên cạnh ký hiệu tương ứng.

Chấm công nghỉ bù: Chỉ áp dụng trong trường hợp làm thêm giờ hưởng lương thời gian nhưng không thanh toán lương làm thêm.

1.5.3. Hạch toán kết quả lao động:

Căn cứ vào phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành. Do phiếu là chứng từ xác nhận số lượng sản phẩm hoặc công việc hoàn thành của đơn vị hoặc cá nhân người lao động nên nó làm cơ sở để kế toán lập bảng thanh toán tiền lương hoặc tiền công cho người lao động. Phiếu này được lập thành 02 liên: 1 liên lưu và 1 liên chuyển đến kế toán tiền lương để làm thủ

tục thanh toán cho người lao động và phiếu phải có đầy đủ chữ ký của người giao việc, người nhận việc, người kiểm tra chất lượng và người duyệt.

Phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành được dùng trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng theo hình thức lương trả theo sản phẩm trực tiếp hoặc lương khoán theo khối lượng công việc. Đây là những hình thức trả lương tiên bộ nhất đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, nhưng đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ và kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách nghiêm ngặt.

1.5.4. Hạch toán tiền lương cho người lao động:

Căn cứ vào bảng chấm công để biết thời gian động cũng như số ngày công lao động của người sau đó tại từng phòng ban, tổ nhóm lập bảng thanh toán tiền lương cho từng người lao động ngoài Bảng Chấm Công ra thì các chứng từ kèm theo là bảng tính phụ cấp, trợ cấp, phiếu xác nhận thời gian lao động hoặc công việc hoàn thành.

Bảng thanh toán tiền lương: Là chứng từ làm căn cứ thanh toán tiền lương phụ cấp cho người lao động, kiểm tra việc thanh toán tiền lương cho người lao động làm việc trong các đơn vị sản xuất kinh doanh đồng thời là căn cứ để thống kê về lao động tiền lương. Bảng thanh toán tiền lương được lập hàng tháng theo từng bộ phận (phòng, ban, tổ, nhóm) tương ứng với bảng chấm công.

Cơ sở lập bảng thanh toán tiền lương là các chứng từ về lao động như: Bảng chấm công, bảng tính phụ cấp, trợ cấp, phiếu xác nhận thời gian lao động hoặc công việc hoàn thành. Căn cứ vào các chứng từ liên quan, bộ phận kế toán tiền lương lập bảng thanh toán tiền lương, chuyển cho kế toán trưởng duyệt để làm căn cứ lập phiếu chi và phát lương. Bảng này được lưu tại phòng kế toán. Mỗi lần lĩnh lương, người lao động phải trực tiếp vào cột “ ký nhận” hoặc người nhận hộ phải ký thay.

Từ Bảng thanh toán tiền lương và các chứng từ khác có liên quan kế toán tiền lương lập Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

1.6. Hạch toán tổng hợp và các khoản trích theo lương

1.6.1. Các chứng từ ban đầu hạch toán tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Các chứng từ ban đầu hạch toán tiền lương thuộc chi tiêu lao động tiền lương gồm các biểu mẫu sau:

Mẫu số 01-LĐTL	Bảng chấm công
Mẫu số 02-LĐTL	Bảng thanh toán tiền lương
Mẫu số 03-LĐTL	Phiếu nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội
Mẫu số 04-LĐTL	Danh sách người lao động hưởng BHXH
Mẫu số 05-LĐTL	Bảng thanh toán tiền thưởng
Mẫu số 06-LĐTL	Phiếu xác nhận SP hoặc công việc hoàn chỉnh
Mẫu số 07-LĐTL	Phiếu báo làm thêm giờ
Mẫu số 08-LĐTL	Hợp đồng giao khoán
Mẫu số 09-LĐTL	Biên bản điều tra tai nạn lao động

1.6.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương

1.6.2.1. Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 334- Phải trả công nhân viên. Và tài khoản TK 338- Phải trả, phải nộp khác.

+ TK 334 phản ánh các khoản phải trả công nhân viên và tình hình thanh toán các khoản đó(gồm: tiền lương, tiền thưởng, BHXH và các khoản thuộc thu nhập của công nhân viên)

Kết cấu của TK 334- Phải trả CNV

Bên Nợ

+ Các khoản tiền lương(tiền công) tiền thưởng và các khoản khác đã trả đã ứng trước cho CNV

+ Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của CNV

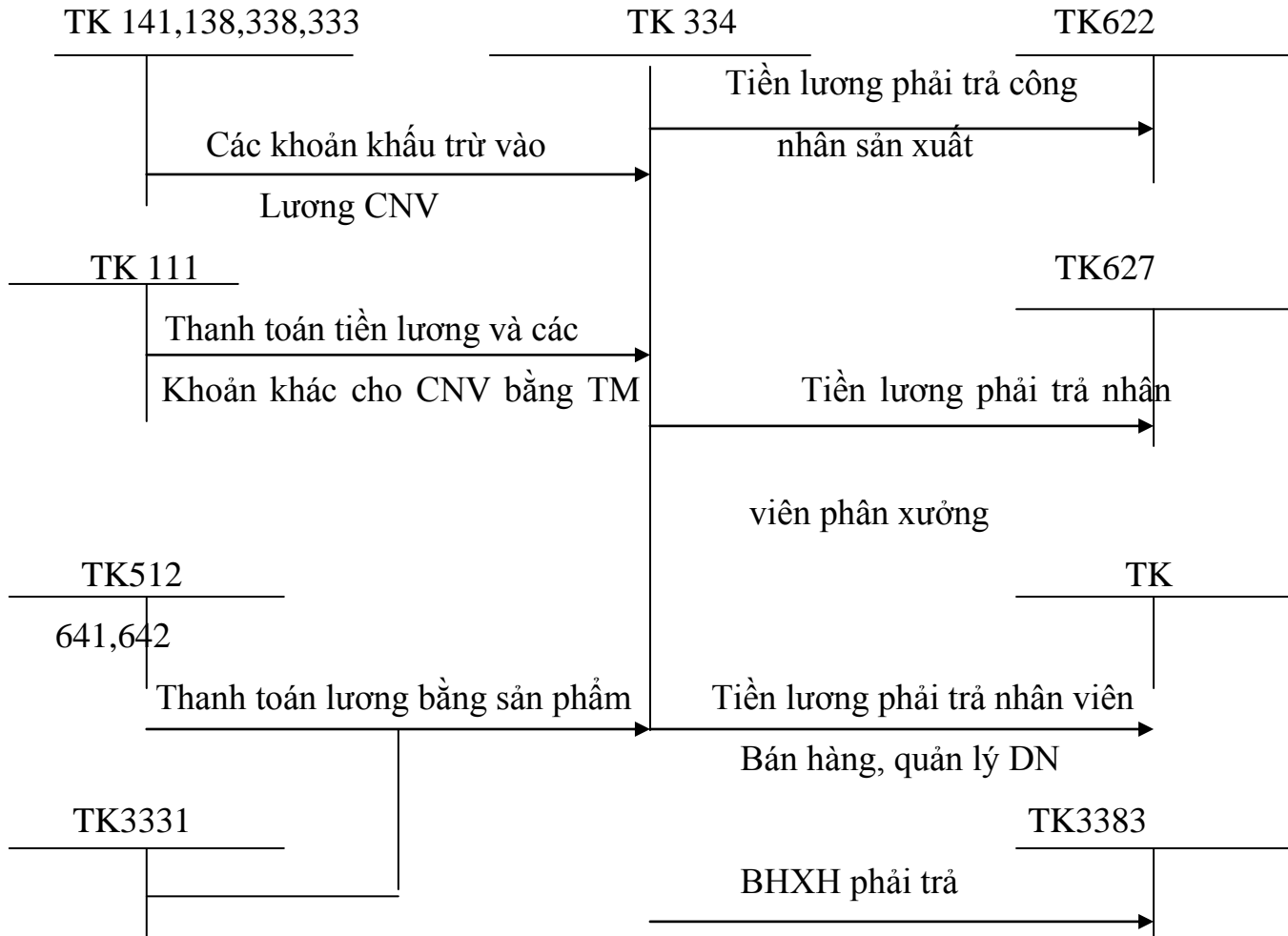
Bên Có:

+Các khoản tiền lương(tiền công) tiền thưởng và các khoản khác phải trả CNV

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Dư có: Các khoản tiền lương(tiền công) tiền thưởng và các khoản khác còn phải trả CNV

Dư nợ: (cá biệt) Số tiền đã trả lớn hơn số tiền phải trả



Sơ đồ 1.1: Hạch toán các khoản phải trả CNV

+ Tài khoản 338- Phải trả, phải nộp khác : Dùng để phản ánh các khoản phải trả, phải nộp cho cơ quan quản lý, tổ chức đoàn thể xã hội.

Kết cấu của tài khoản 338- Phải trả, phải nộp khác.

Bên Nợ:

- + Kết chuyển giá trị tài sản thừa vào các tài khoản khác có liên quan.
- + BHXH phải trả công nhân viên.
- + Kinh phí công đoàn chi tại đơn vị.

- + Số BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã nộp cho cơ quan quản lý.
- + Kết chuyển doanh thu nhận trước sang TK 511.
- + Các khoản đã trả, đã nộp khác.

Bên Có:

- + Giá trị tài sản thừa chờ giải quyết (chưa xác định rõ nguyên nhân).
- + Giá trị tài sản thừa phải trả cho cá nhân, tập thể trong và ngoài đơn Vị.
- + Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- + BHXH, BHYT trừ vào lương công nhân viên.
- + BHXH, KPCĐ vượt chi được cấp bù.
- + Các khoản phải trả phải nộp khác.

Dư Có :

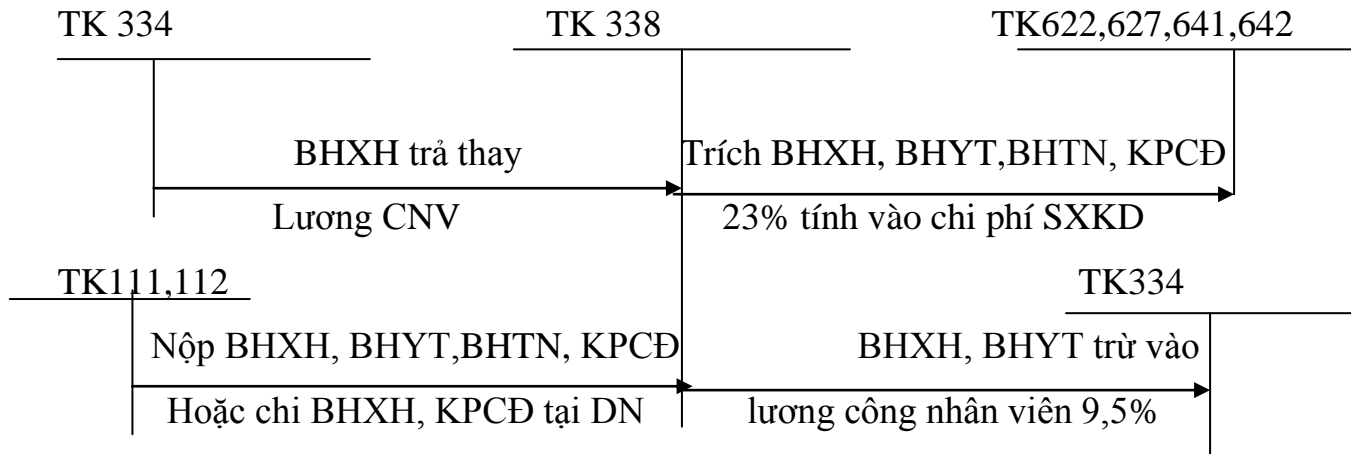
- + Số tiền còn phải trả, phải nộp khác.
- + Giá trị tài sản thừa còn chờ giải quyết.

Dư Nợ : (Nếu có) Số đã trả, đã nộp lớn hơn số phải trả, phải nộp.

TK 338 có 6 tài khoản cấp 2

- 3381 – Tài sản thừa chờ giải quyết.
- 3382 – Kinh phí công đoàn.
- 3383 – BHXH.
- 3384 – BHYT.
- 3387 – Doanh thu nhận trước.
- 3388 – Phải trả, phải nộp khác.
- 3389 _BHTN.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản trích theo lương

1.6.2.2. Phương pháp hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Hàng tháng căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương và các chứng từ liên quan khác kế toán tổng hợp số tiền lương phải trả công nhân viên và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo từng đối tượng sử dụng lao động, việc phân bổ thực hiện trên “Bảng phân bổ tiền lương và BHXH”. Kế toán ghi:

Nợ TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Nợ TK 627 -Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641-Chi phí bán hàng

Nợ TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241-XDCB dở dang

Có TK 334-Phải trả công nhân viên

Tính tiền thưởng phải trả công nhân viên trong tháng, kế toán ghi:

+Trường hợp thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ:

Nợ TK 353- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Có TK 334- Phải trả công nhân viên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Trường hợp thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thưởng tiết kiệm vật tư, thưởng năng suất lao động:

Nợ TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 334- Phải trả công nhân viên

Tiền ăn ca phải trả cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Nợ TK 622, 627, 641, 642...

Có TK 334 : Phải trả CNV

Các khoản khấu trừ vào lương của CNV: khoản tạm ứng chi không hết khoản bồi thường vật chất, BHXH, BHYT, BHTN Công Nhân Viên phải nộp, thuế thu nhập phải nộp ngân sách nhà nước, ghi:

Nợ TK 334- Phải trả công nhân viên

Có TK 141- Tạm ứng

Có TK 138 -Phải thu khác

Có TK 338- Phải trả, phải nộp khác

Có TK 333- Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

Hàng tháng căn cứ vào tổng số tiền lương phải trả công nhân viên trong tháng kế toán trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các bộ phận sử dụng lao động:

Nợ TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp.

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

BHXH, BHYT, BHTN khấu trừ vào tiền lương công nhân viên:

Nợ TK 334 – Phải trả công nhân viên

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

Tính trợ cấp BHXH phải trả công nhân viên khi CNV bị ốm đau, thai sản:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 338(3383) - Phải trả, phải nộp khác.

Có TK 334 – Phải trả công nhân viên.

Nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho cơ quan chuyên trách.

Nợ TK 338-- Phải trả, phải nộp khác.

Có TK 111, 112.

Khi chi tiêu sử dụng kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp:

Nợ TK 338(3382) - Phải trả, phải nộp khác.

Có TK 111- Tiền mặt.

Thanh toán tiền lương và các khoản khác cho công nhân viên:

Nợ TK 334- Phải trả công nhân viên

Có TK 111- Tiền mặt

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC
KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY
SỐ 4**

2.1. Tổng quan về công ty CP Vận tải thủy số 4

2.1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển của Công ty CP Vận tải thủy số 4.

* Giám đốc: Trần Đăng Liệu

* Địa chỉ trụ sở chính: Số 436 - Phường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng.

* Điện thoại: (0313)850.454

* Fax : (0313)850.454

Từ những năm giữa thập kỉ 60 Công ty Vận tải thủy số 4 tên là đơn vị KT66 đơn vị tiền thân của Công ty bây giờ. Khi đất nước còn chiến tranh đơn vị được bộ giao thông giao nhiệm vụ vận tải chủ yếu bằng những tàu vận tải sông và những sà lan loại nhỏ chuyên vận chuyển dầu mỡ, than đá, và các loại vũ khí, lương thực, thuốc men từ đầu nguồn Đông Bắc đến Miền Nam.

Hoà bình lập lại, để đáp ứng nhịp điệu khẩn trương của công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh từ giã tên gọi KT66 với đội ngũ phương tiện sẵn có và bổ xung thêm, đơn vị được mang tên là Xí nghiệp 202. Sau đó Bộ Giao thông Vận tải đổi thành Xí nghiệp Vận tải sông Bạch Đằng và hoạt động được gần 3 năm.

Trong điều kiện khối lượng vận tải lớn, đội ngũ thuyền viên hoạt động phân tán địa bàn hoạt động rộng, phương thức giao nhận chậm, cơ chế của Xí nghiệp chưa hoàn chỉnh, không đáp ứng kịp thời với qui mô sản xuất đặc biệt là Nhà máy nhiệt điện Phả Lại ra đời mỗi năm tiêu thụ 1,5 triệu tấn than, đòi hỏi phải có một đội ngũ vận chuyển than ổn định phục vụ nhiên liệu cho nhiệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

điện Phả Lại và Nhà máy phân đạm Hà Bắc, Bộ GTVT Cục đường sông quyết định tách Xí nghiệp sông Bạch Đằng ra thành Công ty 3 là vận tải sông số 3 thành số 4, với nhiệm vụ của Công ty là vận chuyển hàng, nhập hàng lương thực và hàng bách hoá.

Công ty Vận tải thủy số 4 lại trở về với mặt hàng truyền thống quen thuộc đó là vận tải than căn cứ vào quyết định số 2163/TCCB ngày 28/12/1982 của Bộ GTVT về việc thành lập Công ty số 4 đã khẩn trương kiện toàn bộ máy tổ chức, kiện toàn hệ thống phương tiện nhanh chóng đi vào sản xuất kinh doanh, hoàn thành liên tục kế hoạch được giao. Công ty đã được tặng cờ luân lưu, huân chương lao động và nhiều bằng khen.

Mặc dù đạt được những thành tích như vậy song Công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn chao đảo khi bước vào cơ chế thị trường vận tải thủy nội địa. Đặc biệt trong những năm 1990-1992 nhu cầu vận tải thủy giảm đặc biệt hơn vì nhiều nguyên nhân, phương tiện cũ nát do khai thác tràn lan trong thời kì bao cấp hiện nay không có vốn sửa chữa, vốn đầu tư mới không được Nhà nước cấp, giá cước phí thấp, do đó sản xuất không đủ bù đắp chi phí, lực lượng lao động dư thừa so với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Đứng trước những khó khăn đó, dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, ban giám đốc công ty và công đoàn công ty, bằng những quyết định chính sách nhạy bén, có sự sáng tạo nhiệt tình của cán bộ tập thể công nhân viên trong thời kì sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển, nhịp độ tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số và khá đồng đều. Công ty đã tự khẳng định được mình và được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo Nhà nước.

Ngày 5 tháng 7 năm 1993 Bộ GTVT đã ra quyết định số 1354/TCCB-LĐ thành lập doanh nghiệp Nhà nước "Công ty Vận tải thủy số 4" .

Nhưng đến năm 2005 theo quyết định số 926/QĐ- BGTVT Hà nội ngày 06 tháng 4 năm 2005 công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần vận tải thủy số 4.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ sản xuất của Công ty CP Vận tải thủy số 4.

2.1.2.1. Chức năng của Công ty CP Vận tải thủy số 4.

Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 có các chức năng ngành nghề như sau:

- Vận tải các loại hàng hoá bằng đường sông và đường biển.
- Làm dịch vụ, đại lí, môi giới, mua bán vận chuyển các loại hàng hoá cho khách hàng trong nước.
- Trục vớt các phương tiện bị đắm trên sông, các cấu kiện phục vụ cho các công trình thủy.
- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại phương tiện thủy

2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty CP Vận tải thủy số 4.

Đất nước sau mười năm đổi mới đã thu được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội hoá trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh tế tạo ra quá trình liên kết hợp tác cạnh tranh với nhau. Tình hình đó đã tạo ra những thời cơ thuận lợi nhưng đồng thời gặp những khó khăn thử thách gay go cho mọi doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế quản lí. Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 cũng là doanh nghiệp nằm trong số đó.

Trước tình hình đó kết hợp được những bài học kinh nghiệm từ nhiều năm trước, đại hội đảng bộ công ty khoá VII năm 1998 đã khẳng định mục tiêu và nhiệm vụ của Công ty trong giai đoạn mới là:

- Duy trì và giữ vững đội ngũ phương tiện.
- Ổn định và từng bước phát triển sản xuất kinh doanh.
- Ổn định việc làm, bảo đảm và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Giữ vững an ninh trật tự và an toàn trong công ty.
- Xây dựng đảng bộ, bộ máy quản lý và tổ chức quần chúng vững mạnh.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng hoạt động sản xuất kinh doanh hoạt động quản lý. Công ty có cơ cấu tổ chức các bộ phận sản xuất kinh doanh phòng ban nghiệp vụ, bố trí lao động một cách hợp lý, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi quan hệ công tác được diễn ra đồng bộ, ăn khớp trong toàn Công ty và thống nhất sự chỉ đạo tập trung dân chủ.

Hiện nay bộ máy quản lý của công ty gồm có 7 phòng ban, 3 Xí nghiệp thành viên và 2 liên đội vận tải.

❖ Hội đồng quản trị:

Đứng đầu công ty là hội đồng quản trị có nhiệm vụ đề ra những giải pháp cho công ty, đầu tư vốn, cơ sở vật chất, nghe và phê duyệt các báo cáo của giám đốc. Đứng đầu HĐQT là chủ tịch HĐQT. Hiện nay chủ tịch HĐQT là ông Trần Đăng Liệu, đồng thời kiêm giám đốc công ty.

❖ Giám đốc công ty:

Là người lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của công ty về mặt sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên, trực tiếp phụ trách công tác tổ chức cán bộ.

❖ Các phó giám đốc:

Là người tham mưu cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty CP Vận tải thủy số 4 gồm có 3 phó giám đốc: 1 phó giám đốc vận tải, 1 phó giám đốc kỹ thuật, 1 phó giám đốc nội chính.

❖ Phòng Vận tải

Là bộ phận tham mưu cho phó giám đốc, được giám đốc uỷ quyền kí k các hợp đồng vận chuyển, điều hành phương tiện, thu cước, vận chuyển, khai thác nguồn hàng, tuyến đường vận chuyển, ngoài phòng còn có các trạm đại diện cho các tuyến khác.

+ Trạm đại diện tại Quảng Ninh là bộ phận tham mưu cho phòng vận tải khu vực Quảng Ninh khu vực thường xuyên có nhiều phương tiện của Công ty. Trạm được giám đốc uỷ quyền kí kết hợp đồng vận chuyển và giải quyết một số công việc khác.

+ Trạm đại diện Hà Bắc-Phả Lại: Là hai trạm nhỏ giúp phòng vận tải xác nhận các chuyến đi của các đoàn tàu lên phía trên đã hoàn thành và thu cước phí các chủ hàng lẻ.

+ Trạm đại diện Ninh Bình: Là trạm đơn đốc về các chuyến hàng chở các chất vào tuyến trong, theo dõi và báo cáo kết quả các chuyến đi.

❖ *Phòng tổ chức hành chính.*

Là phòng tham mưu cho giám đốc về các mặt mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý nhân sự, giải quyết các chế độ chính sách như tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, hiếu hi, cấp phát trang bị văn phòng phẩm.

❖ *Phòng tài chính kế toán.*

Là phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp việc cho giám đốc trong việc quản lí tài chính của công ty theo pháp lệnh kế toán thống kê và các qui định hiện hành của nhà nước về tài chính. Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của công ty lập kế hoạch thu chi tài chính, phân đấu hạ giá thành sản phẩm đồng thời thực hiện tốt chế độ báo cáo theo qui định phân tích thu chi lỗ lãi từ đó đề xuất biện pháp để quản lí tốt mọi hoạt động có liên quan đến tài chính của các xí nghiệp, công ty đạt hiệu quả tốt hơn trong sản xuất kinh doanh.

❖ *Phòng kỹ thuật.*

Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho giám đốc quản lý các phương tiện kỹ thuật hiện có của công ty, theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các phương tiện vận tải. Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các phương tiện, thiết bị nhằm đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời lên kế hoạch dự trữ vật tư phụ tùng để phục vụ cho công tác sửa chữa phương tiện, bến bãi, lập báo cáo thống kê kết quả hoạt động của các phương tiện kỹ thuật theo từng năm.

❖ *Phòng vật tư.*

Làm nhiệm vụ mua sắm, cấp phát vật tư, phụ tùng máy móc thay thế theo qui trình, qui phạm an toàn lao động kỹ thuật.

❖ *Phòng kế hoạch xây dựng cơ bản.*

Là phòng nghiệp vụ giúp giám đốc lên phương án, kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh của các năm, theo dõi tăng và giám sát giá thành sửa chữa.

❖ *Phòng bảo vệ pháp chế.*

Là bộ phận tham mưu cho giám đốc quản lý về công tác bảo vệ trật tự trị an công tác quân sự địa phương và giải quyết các vụ việc tiêu cực, tai nạn giao thông thủy, tranh chấp thương vụ theo pháp luật của nhà nước.

❖ *Các xí nghiệp thành viên.*

Công ty hiện có 3 xí nghiệp là đơn vị trực thuộc, có tư cách pháp nhân không đầy đủ.

- Xí nghiệp sửa chữa tàu 81.
- Xí nghiệp sửa chữa tàu 200.
- Xí nghiệp dịch vụ trực vớt công trình.

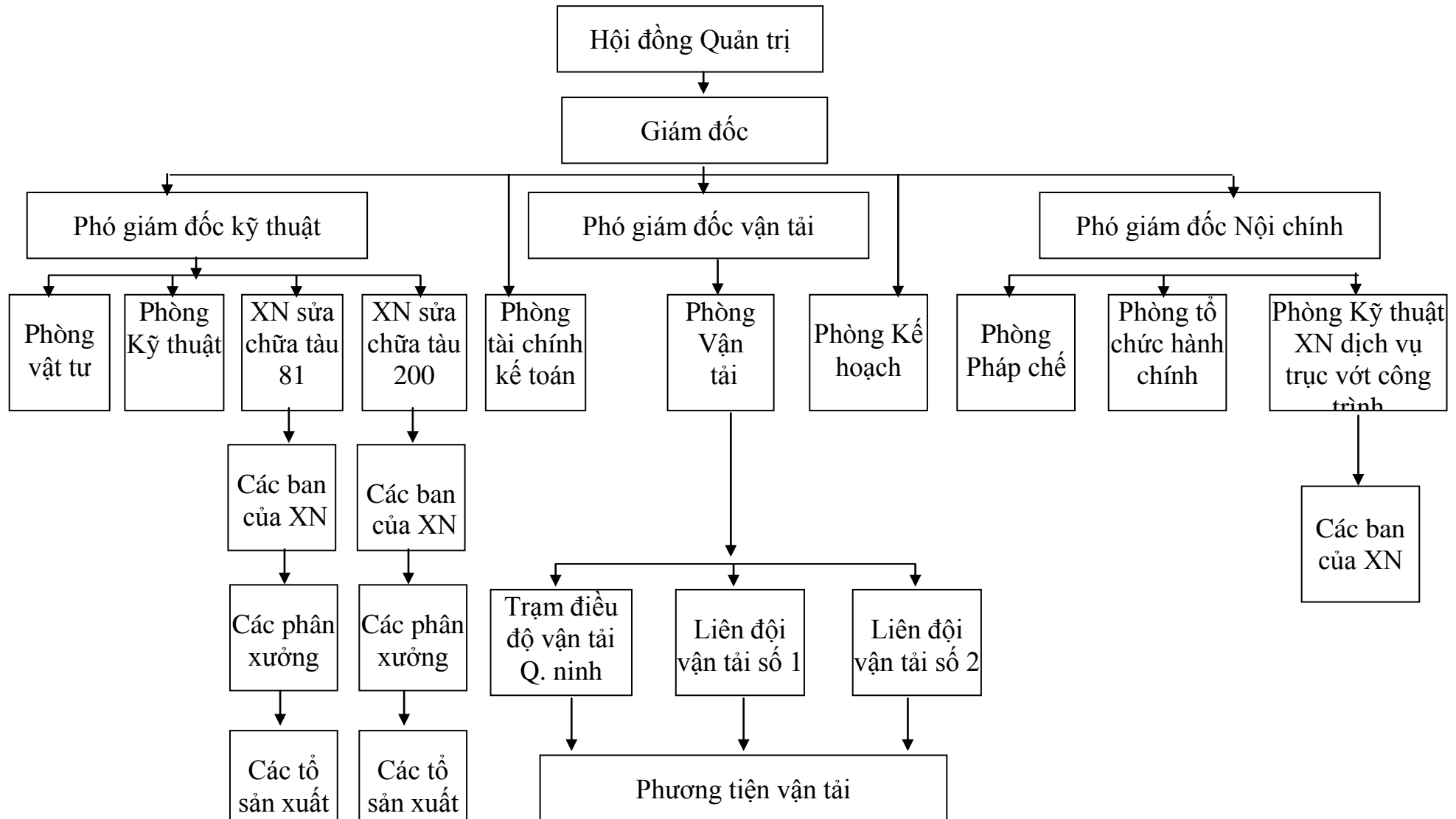
Ba xí nghiệp làm nhiệm vụ chủ yếu là sửa chữa lớn và nhỏ các phương tiện của công ty và các hoạt động phương tiện thủy của hành khách. Ngoài ra

còn làm công tác dịch vụ khác như trực đấm phương tiện của công ty, cho thuê bến bãi, cầu tàu nhận may gia công các mặt hàng trang bị bảo hộ lao động.

Sau đây là sơ đồ hệ thống tổ chức quản lý của Công ty CP Vận tải thủy số 4

Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Vận tải thủy số 4 :

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Vận tải thủy số 4:

❖ Tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Trước khi vào báo cáo quyết toán của công ty, kế toán công ty phải tập hợp các báo cáo quyết toán của các xí nghiệp thành viên. Từ đó phân tích tổng hợp hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Phòng kế toán công ty được cơ cấu gọn nhẹ, được trang thiết bị phương tiện kỹ thuật tương đối đầy đủ như: Máy tính, máy vi tính các loại sổ sách, tài liệu, cán bộ nhân viên kế toán của phòng được đào tạo về trình độ nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu tốt yêu cầu quản lý cũng như yêu cầu hạch toán quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Việc tổ chức bộ máy kế toán ở công ty tạo ra được một mối liên hệ giữa cán bộ nhân viên kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin, và kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

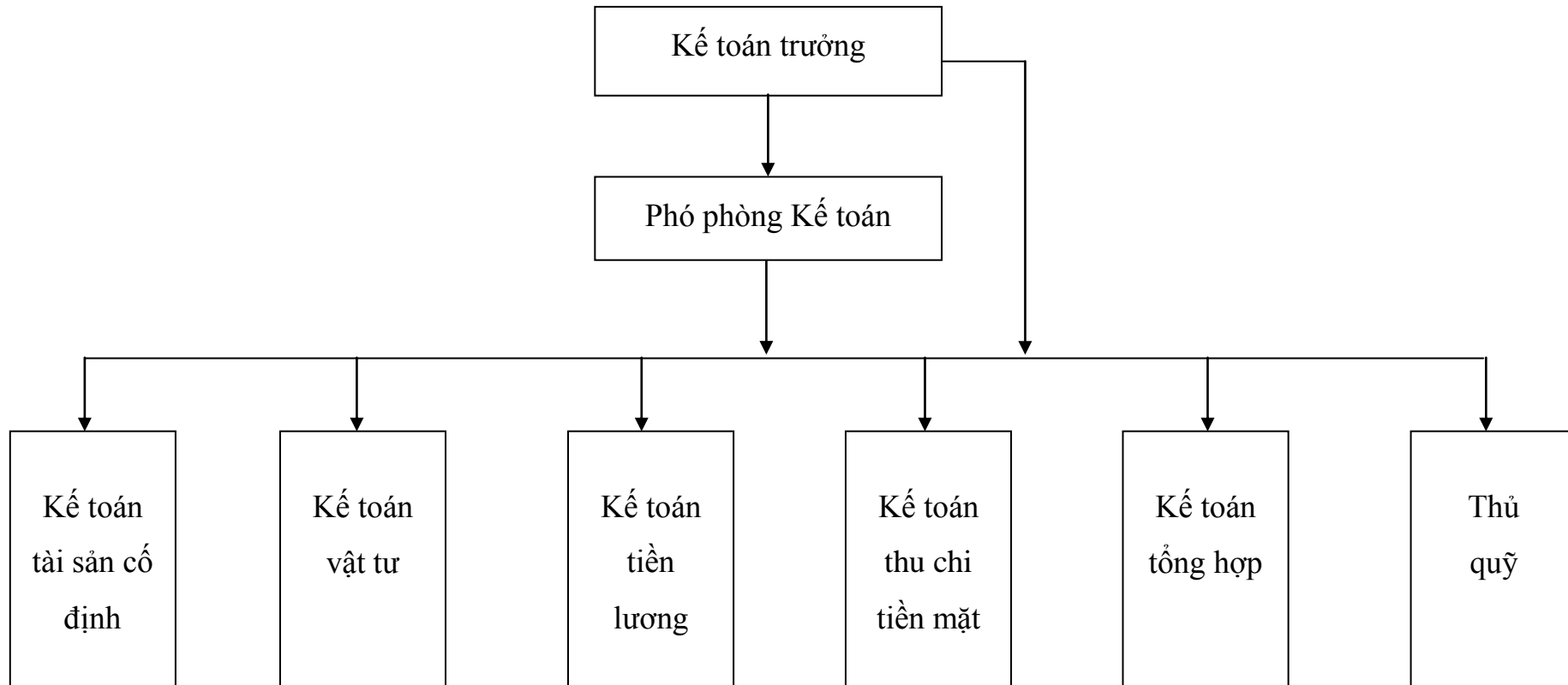
Cụ thể bộ máy kế toán của công ty được bố trí như sau:

- + 1 Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính.
- + 1 Phó phòng kế toán kiêm kế toán thanh toán cước
- + 1 Kế toán tài sản cố định kiêm kế toán xây dựng cơ bản và bảo hiểm xã hội.
- + 1 Kế toán vật tư kiêm kế toán phải thu khác.
- + 1 Kế toán thanh toán với cán bộ công nhân viên kiêm kế toán phải trả khác
- + 1 Kế toán thu chi tiền mặt kiêm kế toán tạm ứng, chi phí khác.
- + 1 Kế toán tổng hợp.
- + 1 Thủ quỹ.

Trong đó: có 6 người có trình độ đại học (75%)

2 người có trình độ trung cấp (25%)

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Nhiệm vụ của kế toán trưởng:** Được phân công chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của phòng kế toán. Phụ trách kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết một số phần

Thiết lập, tổ chức, quản lý bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của toàn xí nghiệp.

- Thiết lập sổ sách ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng theo quy định của nhà nước về chế độ sổ sách đã đăng ký. Tính toán trích lập đúng đủ kịp thời các khoản nộp ngân sách, các khoản vay nợ, công nợ phải trả.
- Tổ chức kiểm kê tài sản hàng kỳ báo cáo ngay với giám đốc các khoản mất mát, hao hụt hư hỏng. Hoàn thành các báo cáo tài chính, công nợ, thống kê các quyết toán đúng thời điểm .
- Đảm bảo nội dung các báo cáo phải trung thực hợp lý tình hình tài chính kết quả hoạt động SXKD.
- Tổ chức bảo quản các tài liệu kế toán, giữ bí mật tài liệu sổ sách kế toán.
- Kiểm tra việc thanh toán, tính hợp lý hợp lệ của các chứng từ thu chi vay tín dụng hoạt động SXKD một cách thường xuyên căn cứ trên những số liệu được ghi chép.

❖ **Bộ máy kế toán bao gồm:**

• **Kế toán TSCĐ:** Cập nhật tình hình tăng giảm các loại TSCĐ. Cuối tháng tính khấu hao TSCĐ, đối chiếu số liệu với kế toán tổng hợp.

• **Kế toán vật tư:** Cập nhật tình hình nhập xuất tồn về số lượng giá trị của các loại CCDC. Cuối tháng lập bảng phân bổ CCDC đối chiếu số liệu với kế toán tổng hợp. Hàng ngày căn cứ yêu cầu vật tư của các bộ phận trong xí nghiệp, đáp ứng vật tư trong công ty, đảm bảo thời gian, số lượng giá trị giá cả. Thường xuyên theo dõi tình hình nhập xuất tồn và giá trị các loại nguyên liệu vật liệu, xuống kho tại các phân xưởng để kiểm tra kiểm soát lượng.

• **Kế toán tiền lương:** Hàng tháng căn cứ vào quy định lương, bảng chấm công trong tháng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý chính xác của các số liệu có chữ ký của trưởng các bộ phận liên quan từ phòng tổ chức chuyển sang. In bảng lương, ngày 10 hàng tháng phải thanh toán lương. Ngày 12 tháng sau hoàn thành hoạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lương tháng trước, lập phiếu kế toán vào sổ chi tiết, đối chiếu số lượng với kế toán tổng hợp.

- **Kế toán tiền mặt gửi:** Cập nhật chứng từ gốc liên quan đến phiếu thu chi tiền mặt, ghi nhận vào sổ kế toán. Cập nhật số liệu và đối chiếu với kế toán công nợ về các khoản vay các khoản phải trả nợ ngân hàng.

- **Kế toán tổng hợp:**

- Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép.
- Thu thập sử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Lập báo cáo tài chính theo dõi tình hình vay và trả nợ ngân hàng, về vốn góp và vòng quay của vốn.....

- **Thủ quỹ:** Là người chịu trách nhiệm thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty.

2.1.5 . Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.

Khi mới thành lập công ty cơ sở vật chất kỹ thuật nơi làm việc còn thiếu thốn, đội phương tiện có 35 đầu máy và gần 2,5 vạn tấn sà lan, chủ yếu là tàu kéo đẩy có công suất nhỏ, sà lan trọng tải thấp từ 100-200T/chiếc, chất lượng kém. Hai xí nghiệp sửa chữa tàu 81 và 200 được bàn giao về công ty, kết cấu hạ tầng và máy móc thiết bị lạc hậu, XN 81 chỉ có 1 ụ nổi và tại XN 200 chỉ có vài vị trí triển đã triển. Thêm đó để thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, từ ngày 1/01/2006 công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Trong đó có hơn 70% phương tiện vận tải có tuổi đời trên 20 năm đã xuống cấp nghiêm trọng cần phải được phục hồi và thay thế. Nhưng cùng với sự cố gắng không ngừng và sự quan tâm đầu tư của nhà nước chỉ trong một thời gian ngắn, công ty đã đầu tư đóng mới 30 đầu máy và gần 3 vạn TPT, đưa đội tàu có thời điểm lên 65 đầu máy và 45.000 TPT. Thay dần các phương tiện cũ nát, chuyển đội hình đoàn kéo đẩy 720T/4,720T/6 sang đội hình tàu đẩy 800T/4,800T/2.

Hiện nay cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung của công ty bao gồm hệ thống tàu bè sà lan phục vụ công tác vận chuyển hàng hoá, các trang bị phục vụ cho công

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tác sửa chữa ,bảo dưỡng tàu. Mặc dù có một số hạn chế nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho tàu và hàng. Công ty đang tiếp tục có kế hoạch đầu tư, nâng cấp ,cải tạo trang thiết bị nhằm đáp ứng được nhu cầu thông thương hàng hoá hiện nay.

Bảng 1: Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty CP Vận tải thủy số 4 năm 2012

Loại TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	118,940,487,625	52,169,006,799	66,771,480,826
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,543,193,463	1,437,533,432	1,105,660,031
Máy móc thiết bị	129,421,736	24,258,014	105,163,722
Phương tiện vận tải truyền dẫn	115,104,574,516	50,354,922,184	64,749,652,332
Thiết bị dụng cụ quản lý	364,139,762	352,293,169	11,846,593
TSCĐ khác	799,158,148	0	799,158,148
TSCĐ vô hình	0	0	0
Tổng cộng	118,940,487,625	52,169,006,799	66,771,480,826

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

2.1.6. Quy trình sản xuất của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.

- Công nghệ sản xuất:

Đặc thù chung của ngành vận tải là xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và chuyển tải hàng hoá và đối với Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 cũng cùng có chức năng như trên. Do vậy dây truyền công nghệ của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 không phải là dây truyền sản xuất tạo ra sản phẩm vật chất nguyên nhiên vật liệu xuất dùng không qua công nghệ, chế biến mà chỉ mang tính chất bảo dưỡng công cụ dụng cụ xuất dùng để thay thế, đảm bảo tuổi thọ cho các thiết bị, phương tiện thủy vận hành tốt, đáp ứng nhu cầu của công việc bốc xếp, bảo quản vận chuyển hàng hoá. Chính vì vậy mà doanh thu của Công ty chỉ là tập hợp các loại cước phí như cước phí vận tải, cước lưu bãi và cước bốc xếp.

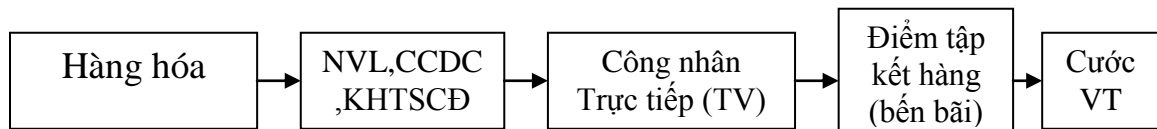
Cước phí ở đây cũng được tính dựa trên các chi phí về vật liệu nhiên liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định và chi phí nhân công. Nhưng Công ty Cổ phần

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Vận tải thủy số 4 là thành viên của Tổng Công ty Vận tải thủy nên giá thành cước phí bốc dỡ là do Tổng Công ty qui định chung cho các Công ty thành viên.

Có thể hiểu khái quát dây chuyền vận tải hàng hải của Công ty thông qua sơ đồ sau:

*Sơ đồ số 2.3: Sơ đồ dây chuyền vận tải hàng hoá của Công ty CP
Vận tải thủy số 4.*



2.1.7. Tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây của công ty

Bảng 2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty cổ phần vận tải thủy số 4.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	So sánh (%)	Chênh lệch
I	Sản lượng	tấn/hàng	1,058,730	952,440	89.96	-106,290
II	Doanh thu	đ	47,881,548,900	60,847,693,156	127.08	12,966,144,256
III	Chi phí	đ	46,838,850,266	59,990,796,785	128.08	13,151,946,519
IV	Lợi nhuận	đ	1,042,698,634	856,896,371	82.18	-185,802,263
V	Lao động tiền lương					
1	Tổng quỹ lương	đ	15,744,000,000	17,220,000,000	109.38	1,476,000,000
2	Số CBCNV	người	410	410	100.00	0
3	Tiền lương bình quân	đ/ng.th	3,200,000	3,500,000	109.38	300,000
VI	Quan hệ ngân sách					
1	Thuế GTGT	đ	82,691,010	440,231,119	18.78	357,540,109
2	Thuế TNDN	đ	153,089,702	381,374,445	40.14	228,284,743

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

a. Đánh giá chung

Qua bảng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh ta nhận thấy các chỉ tiêu phân tích có những biến động tăng giảm khác nhau. Cụ thể là:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chỉ tiêu có tốc độ tăng nhanh nhất là thuế TNDN (giá trị năm 2011 là: 153089702đ, giá trị năm 2012 đạt: 381374445đ, tương ứng là tăng 40,14%). Tiếp theo đó lần lượt là chỉ tiêu chi phí tăng 28,08%, doanh thu tăng 27,08%, chỉ tiêu thuế GTGT tăng 18,78%. Và cuối cùng là chỉ tiêu tổng quỹ lương và tiền lương bình quân tăng bằng nhau và tăng 9,38%.

Chỉ tiêu có tốc độ giảm nhiều nhất là chỉ tiêu lợi nhuận (năm 2011 có giá trị là 1.042.698.634 đ còn năm 2012 là 856.896.371 đ, tương ứng là giảm: 17,82%. Cuối cùng là chỉ tiêu sản lượng cũng giảm 10,04%.

Trong số các chỉ tiêu trên thì chỉ tiêu số cán bộ công nhân viên lại không thay đổi. Điều này chứng tỏ cơ cấu lao động trong công ty đang phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

Như vậy, nhìn chung so với năm trước thì ở năm nay hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa mang lại hiệu quả cao vì Tổng doanh thu tăng nhanh nhưng tốc độ tăng của chi phí lại nhanh hơn, đồng thời sản lượng vận chuyển lại giảm đi do tình hình kinh tế trong nước nói riêng và trên thế giới nói chung có sự biến động mạnh.

b. Đánh giá chi tiết

*** Chỉ tiêu sản lượng**

Qua bảng trên ta thấy rằng trong năm 2012 sản lượng vận chuyển giảm từ 1.058.730 tấn/ hàng xuống còn 952.440 tấn/ hàng tức là giảm xuống 10,04% so với năm 2011 tương ứng với 106.290 tấn/hàng. Đây là điều mà không một công ty chuyên ngành vận tải mong muốn.

Do nền kinh tế bị khủng hoảng nghiêm trọng, đặc biệt do giá xăng dầu trên thế giới tăng kéo theo giá xăng dầu trong nước cũng tăng theo. Điều này ảnh hưởng rất lớn đối với công ty một số đơn đặt hàng vận chuyển than và xi măng đã bị cắt giảm do khách hàng không thể chi trả được cước phí vận chuyển quá cao. Không chỉ vậy tình hình kinh tế khó khăn cũng gây ra tình trạng không có việc làm nên sản lượng của công ty trong năm vừa qua đã bị giảm nhiều.

*** Chỉ tiêu doanh thu**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Qua bảng phân tích ta thấy rằng tổng doanh thu của doanh nghiệp năm 2012 tăng từ 47.881.548.900đ lên 60.847.693.156đ tức là tăng lên 27,08% so với năm 2011 tương ứng với 12.966.144.256đ. Tuy nền kinh tế đang rất khó khăn nhưng doanh thu của công ty vẫn tăng. Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác. Hầu như tất cả các loại doanh thu này đều tăng, nhưng doanh thu tăng chủ yếu từ việc tăng cước phí vận tải. Trong năm 2012 công ty đã nhận được nhiều hợp đồng sửa chữa tàu bè nên làm cho tổng doanh thu đã tăng lên nhanh chóng. Không chỉ vậy, công ty còn cho thuê cầu tàu kho bãi đây là một khoản thu nhập khác góp phần không nhỏ làm cho tổng doanh thu của công ty tăng lên.

*** Chỉ tiêu chi phí**

Qua bảng phân tích ta thấy rằng tổng chi phí của doanh nghiệp năm 2012 tăng từ 46.838.850.266đ lên 59.990.796.785đ tức là tăng lên 28,08% so với năm 2011 tương ứng với 13.151.946519đ. Chi phí tăng nhanh là điều gây khó khăn rất lớn đối với công ty. Nó bao gồm rất nhiều loại như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí quản lý, chi phí tài chính,... hầu hết tất cả các loại chi phí này đều tăng. Nhưng trong số đó chi phí tài chính có thể nói là nguyên nhân chính làm cho tổng chi phí tăng. Năm 2012 vừa qua, nền kinh tế có nhiều biến động mạnh, các ngân hàng đua nhau tăng lãi suất (cả lãi suất đi vay và cho vay). Do trong năm công ty đóng mới tàu nên đã phải vay ngân hàng một khoản tiền không nhỏ nên số lãi phải trả cho ngân hàng là khá lớn. Mặt khác do tình hình lạm phát tăng cao nên giá cả nguyên vật liệu đầu vào cho việc đóng mới phương tiện cũng tăng lên, gây khó khăn rất lớn cho công ty. Chính vì vậy tổng chi phí của công tăng nhanh và chiếm tỷ trọng nhiều nhất.

*** Chỉ tiêu lợi nhuận**

Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí

Qua bảng trên ta thấy rằng trong năm 2012 lợi nhuận giảm từ 1.042.698.634đ xuống còn 856.896.371đ tức là giảm xuống 17,82% so với năm 2011.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tuy doanh thu của công ty tăng so với năm 2011 nhưng tốc độ tăng của doanh thu không tăng nhanh bằng tốc độ tăng của chi phí nên lợi nhuận trong năm 2012 đã giảm đi so với năm 2011.

*** Chỉ tiêu lao động tiền lương**

Tổng quỹ lương = Tiền lương bình quân x Số CBCNV x 12

Qua bảng phân tích ta thấy rằng tổng quỹ lương của công ty năm 2012 tăng từ 15.744.000.000đ lên 17.220.000.000đ tức là tăng lên 9,38% so với năm 2011 tương ứng với 1.476.000.000đ. Do số cán bộ công nhân viên trong công ty trong 2 năm 2011 và năm 2012 không có sự thay đổi nên tổng quỹ lương tăng là do tiền lương bình quân tăng. Trong năm qua tuy gặp khó khăn về kinh tế, nhưng công ty đã cố gắng tạo công việc ổn định cho người lao động bằng cách giành các đơn đặt hàng từ các bạn hàng quen thuộc. Mặt khác năm 2012 công ty nhận được nhiều hợp đồng sửa chữa tàu bè nên người lao động luôn có việc làm ổn định. Nhờ đó mà tiền lương bình quân tăng làm cho tổng quỹ lương tăng.

*** Chỉ tiêu quan hệ ngân sách**

Nhóm chỉ tiêu này bao gồm chỉ tiêu thuế GTGT và thuế TNDN.

Chỉ tiêu thuế GTGT tăng lên 357.540.109 đ tương ứng tăng 18,78%. Chỉ tiêu này tăng do trong năm công ty đóng mới một số phương tiện nên phải mua rất nhiều loại vật tư vật liệu.

Thuế TNDN là chỉ tiêu tăng mạnh nhất. Năm 2012, chỉ tiêu này tăng 228.284.743 đ tương ứng 40,14%.

2.1.8. Phương hướng phát triển của công ty trong những năm tới.

Vượt qua những khó khăn, gian khổ của thời kì đầu hoạt động, công ty đã từng bước ổn định tổ chức sản xuất, đầu tư khôi phục phát triển đội tàu. Chỉ sau một thời gian ngắn, công ty phát triển đội tàu khá hùng hậu, vận chuyển phục vụ xây dựng và duy trì hoạt động nhiều nhà máy lớn, công trình trọng điểm của nhà máy và đất nước, như các nhà máy điện Phả Lại, Uông Bí, nhà máy phân đạm Hà Bắc; công trình cầu An Dương, Đại Lộ Tôn Đức Thắng, đường xuyên đảo Đình Vũ ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi chuyển sang cơ chế thị trường, đối mặt với những khó khăn gay gắt, lãnh đạo công ty đổi mới công tác quản lý. Công ty từng bước mở rộng thị trường vận chuyển, tăng cường khai thác hàng hai chiều, giữ khách truyền thống đa dạng hoá mặt hàng vận chuyển, thực hiện nhiều hình thức giao nhận khác nhau để đáp ứng yêu cầu của thị trường, mở tuyến mới, vận chuyển than cho các nhà máy xi măng. Hàng năm công ty nở rộng khai thác 35-40% tổng khối lượng hàng hoá, gồm than xuất khẩu, clinke, container, sắt thép thiết bị, hàng siêu trường, siêu trọng.

Công ty cũng chú trọng đầu tư để nâng cao năng lực, tạo sự phát triển bền vững, công ty điều tra thị trường, xác định quy mô đội tàu, xây dựng chiến lược sửa chữa, đóng mới phương tiện. Sau 3 năm hoạt động theo mô hình công ty Cổ Phần, đơn vị đầu tư gần 60 tỷ đồng, đóng mới 4 tàu có công suất từ 250 CV đến 250 CV và 12.600 tấn phương tiện, gấp 1,5 lần số lượng đầu tư đóng mới của 15 năm trước đó, hoàn cải tăng tải trọng thêm 2.400 tấn phương tiện và hàng chục đầu máy, đưa tỷ lệ phương tiện tốt từ 30%(năm 2009) lên 80%(năm 2012).

Do vậy công ty đã đề ra một số định hướng phát triển trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục duy trì kinh doanh vận tải thủy nội địa bằng đội tàu hiện có, vận chuyển than cho nhà máy điện, than cho nhà máy đạm, và than chuyển tải. Ngoài ra còn vận chuyển hàng thiết bị, hàng rời khác như thạch cao, klanh ke.

- Đầu tư phát triển và trẻ hóa đội tàu để có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường vận tải.

- Đầu tư xây dựng triển đà để đóng và sửa chữa tàu vận tải biển có trọng tải từ 3000 tấn đến 5000 tấn.

- Đẩy mạnh sản xuất dịch vụ và thương mại với tất cả các loại hàng hóa kinh doanh có hiệu quả.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2. Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP Vận tải thủy số 4

2.2.1. Tổ chức lao động tiền lương

2.2.1.1. Số lượng và chất lượng lao động.

STT	Chức năng	Tổng số	Trình độ nhân viên					
			Sau đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Không bằng cấp
1	Tổng giám đốc	1		1				
2	Phó tổng GD	2		2				
3	Trưởng phòng tài chính	1		1				
4	Trưởng phòng vật tư	1		1				
5	Trưởng phòng kỹ thuật	1		1				
6	Trưởng phòng vận tải	1		1				
7	Trưởng phòng kế hoạch	1		1				
8	Trưởng phòng TCHC	1		1				
9	Trưởng phòng pháp chế	1		1				
10	NV phòng TCKT	7		5		2		
11	NV phòng vật tư	6		4	1	1		
12	NV phòng kỹ thuật	7		3	2	2		
13	NV phòng vận tải	9		5	2	2		
14	NV phòng kế hoạch	6		3	2	1		
15	NV phòng TCHC	6		2	2	2		
16	NV phòng pháp chế	4			2	1	1	
17	Thuyền trưởng	41		9	20	12		
18	Thuyền phó	35		3	18	8	6	
19	Máy trưởng	32		2	15	15		
20	Thợ máy	49			26	23		
21	Thủy thủ	195		3	57	108	27	
22	Lái xe, phụ kho	3			2	1		
Tổng cộng		410		49	149	178	34	

Tính đến tháng 31/12/2012 tổng số lao động của công ty là 410 người. Số lượng lao động không biến động nhiều so với năm 2011. Tuy đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức khi thực hiện trương cổ phần hoá của nhà nước nhưng suốt 3 năm qua sản xuất kinh doanh của công ty vẫn ổn định và tăng trưởng từ 15-20%. Bởi vậy đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho người công nhân, thu nhập bình quân theo đầu người không ngừng cải thiện và nâng cao từ 1.950.000đ/tháng năm 2007, 2.500.000đ/tháng-năm 2011 và gần 3.500.000đ/tháng vào năm 2012.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số lượng thủy thủ hiện tại phù hợp với số lượng tàu bè, sà lan vận chuyển của công ty. Tuy nhiên ở bộ phận gián tiếp số lượng lao động quá đông. Công ty cũng đang vận động một số cán bộ về hưu và giải quyết chế độ 41 nhằm phát huy năng lực của đội ngũ trẻ kế cận. Bước sang năm 2013 công ty đang có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài, trong năm qua công ty đã cử 22 người đi học trung, cao cấp lý luận chính trị, 10 đi học tại chức, 116 thuyền viên được thi lấy bằng sỹ quan tàu sông.

2.2.2. Quy chế tiền lương - tiền thưởng.

Căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của năm trước và kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm sau để xây dựng mức tiền lương cho bộ phận quản lý của công ty (đồng thời căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh để điều chỉnh mức lương tối thiểu của công ty).

**** Mức lương đối với khối gián tiếp:***

- Mức lương của giám đốc hệ số 6,97
- Mức lương của phó giám đốc hệ số 6,31
- Mức lương của trưởng phòng hệ số 5,65
- Mức lương phó phòng hệ số 3,98
- Nhân viên nghiệp vụ hệ số từ 2,34 đến 3,98
- Nhân viên tạp vụ + bảo vệ hệ số từ 1,9 đến 2,1
- Lái xe hệ số 2,3
- Nhân viên mới tuyển dụng hệ số 2,3 (đối với ĐH, CĐ là 03 năm); hệ số 2,1 (đối với trung cấp là 02 năm).

**** Mức lương đối với khối vận tải:***

- Thuyền trưởng: + Hệ số lương 4,68
+ Hệ số chia lương 1,8
- Thuyền phó: + Hệ số lương 3,76
+ Hệ số chia lương 1,4
- Máy trưởng: + Hệ số lương 3,2 - 3,76
+ Hệ số chia lương 1,3
- Thủy thủ: + Hệ số lương 2,05

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Hệ số chia lương 1,0

***Phụ cấp**

-Trưởng phó phòng nghiệp vụ hệ số là 0,5; 0,4 (căn cứ vào mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước)

-Thủ quỹ hệ số 0,2 (căn cứ vào mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước)

-Đội trưởng, đốc công, thủ quỹ hệ số 0,2

***Thêm giờ**

-Căn cứ vào số công thực tế làm thêm x mức lương tối thiểu x hệ số điều chỉnh của công ty.

***BHXH và BHYT, BHTN, nghỉ phép, ngày lễ, tết:**

- Theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Theo quyết định số 722/QĐ-BHXH ngày 26/5/2003 về việc nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, thực hiện theo Bộ luật lao động (điều 73; 74; 75).

***Thưởng trong năm:**

- Ngày lễ 1-5; 2-9; tết dương lịch mỗi cán bộ công nhân viên là 100.000đ (áp dụng đối với văn phòng công ty và các xí nghiệp áp dụng trả lương theo cơ chế trả lương của công ty).

2.2.3. Cách tính lương và các khoản trích theo lương tại công ty.

Công ty cổ phần vận tải thủy số 4 hiện nay đang áp dụng cách tính lương theo thời gian và lương khoán cho cán bộ công nhân viên thuộc khối gián tiếp và khối vận tải. Ở mỗi xí nghiệp thuộc công ty sẽ có kế toán tiền lương phụ trách tính lương cho cán bộ công nhân viên thuộc công ty mình sau đó tổng hợp báo cáo lên tổng công ty kế hoạch thanh toán lương cho đơn vị mình, kế toán tiền lương tổng công ty chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu và báo cáo trình giám đốc xét duyệt. Đối với từng khối cách tính lương như sau:

a. Cách tính lương khối gián tiếp

Cách tính lương:

Ta có:

$$L_{cb} = H_{SL} * L_{tt}$$

Sinh viên: Phạm Minh Ngọc

Lớp: QTL501K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó: L_{cb} : Lương cơ bản của mỗi công nhân viên

H_{SL} : Hệ số lương do nhà nước quy định

L_{tt} : Lương tối thiểu (lương tối thiểu năm 2012 khu vực 2 là 1,050,00đ)

Lương thời gian = $\frac{L_{cb}}{26} * \text{số ngày làm việc trong tháng}$

Tổng thu nhập = Lương thời gian + Lương ngày lễ, phép + Phụ cấp + Lương làm thêm + thưởng

Thực lĩnh = \sum Thu nhập – Các khoản khấu trừ - Tạm ứng

Ví dụ 1: Trích bảng tính lương tháng 11

Căn cứ vào bảng chấm công, kê toán tính được số ngày làm việc sau đó chuyển vào bảng thanh toán lương, với sự hỗ trợ của máy tính kê toán tính được các chỉ tiêu trên bảng thanh toán lương

Tính lương cho chị Trần Diệu Hương

- Hệ số lương : 2.9
- Hệ số phụ cấp: 0.3

- Lương tối thiểu: 1,050,000 đ
- Số ngày công: 26 ngày

Ta có:

- Tiền lương cơ bản = $2.9 * 1,050,000 = 3,045,000đ$
- Tiền lương thời gian = $3,045,000/26*26 = 3,045,000đ$
- Phụ cấp hệ số = $3,045,000*0.3 = 913,500$
- Tổng thu nhập = $3,045,000 + 913,500 = 3,958,500 đ$

b. Cách tính lương khối vận tải:

Tại công ty, hiện nay lương của khối vận tải do Phòng tổ chức lao động tiền lương tính.

Tổng lương = Lương sản phẩm + Tiền ăn ca + Tiền bảo quản hàng hoá

- Lương sản phẩm = Tiền lương = % Doanh thu mỗi chuyến

+ Tùy theo từng chuyến mà tỷ lệ phần trăm khác nhau.

Chuyến KM6 – Phả Lại thì tiền lương = 12% DT

Chuyến Điện Công – Hòn Gai thì tiền lương = 13% DT

+ Lương sản phẩm tính cho từng tàu thì lương sản phẩm của mỗi người trong tàu được tính theo công thức sau đây:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

L_{SP} 1 người = (Tiền lương / Tổng hệ số chia lương của 1 tàu) * hệ số chia lương của người đó.

+ Hệ số chia lương do công ty quy định.

- Tiền ăn ca = 10.000 * số ngày công tháng

- Tiền bảo quản hàng hoá = Tổng số tấn hàng vận chuyển * Đơn giá

+ Trong đó: Đơn giá = 1.500 đ/ giá

+ Tiền bảo quản hàng hóa tính cho từng tàu thì tiền bảo quản hàng hóa cho mỗi người trong tàu được tính theo công thức sau đây:

Tiền bảo quản HH = (Tiền bảo quản hàng hoá của 1 tàu / Tổng số ngày công tháng của cả tàu) * số ngày công của từng người trong tàu.

Ví dụ: Tính lương tháng 11 cho ông Phạm Bá Hà thuyền trưởng tàu TD81-4 có:

+ Tổng hệ số chia lương là 8,1

+ Hệ số chia lương là 1,8

+ Tổng số ngày công tháng của cả tàu là 210 ngày

+ Số ngày công tháng là 30 ngày.

+ Doanh thu là 203.172.519 đ.

Vậy tiền lương = 12% * 203.172.519 = 24.825.359đ

+ Tiền bảo quản hàng hoá là 4.908.000đ

Vậy tiền lương của ông ta được tính như sau:

Lương sản phẩm = (24.825.360/8,1) * 1,8 = 5.516.747 đ

Tiền ăn ca = 30 * 10.000 = 300.000 đ

Tiền bảo quản HH = (4.908.000/210) * 30 = 701.143 đ

Tiền lương = 5.516.747 + 300.000 + 701.143 = 6.517.890 đ

c. Các khoản phải nộp:

- Bảo hiểm xã hội (BHXH) : theo quy định của nhà nước, người lao động phải trích 7% Lương tối thiểu * Hệ số lương cấp bậc.
- Bảo hiểm y tế (BHYT) : cũng theo quy định của nhà nước, người lao động phải trích 1,5% Lương tối thiểu * Hệ số lương cấp bậc.
- Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) : cũng theo quy định của nhà nước, người lao động phải trích 1% Lương tối thiểu * Hệ số lương cấp bậc.

Ví dụ : Nhân viên Trần Diệu Hương ở phòng TCKT

Các khoản giảm trừ: 289,275 đ. Trong đó:

- BHXH = $3,045,000 * 7\% = 213,150$ đ
- BHYT = $3,045,000 * 1.5\% = 45,675$ đ
- BHTN = $3,045,000 * 1\% = 30,450$ đ

Vậy tổng số tiền người lao động phải nộp là 9,5% Lương tối thiểu * Hệ số lương cấp bậc.

d. Còn được nhận : số tiền còn lại thực tế mà người lao động nhận được sau khi trừ đi các khoản phải nộp.

Ví dụ : Nhân viên Trần Diệu Hương ở phòng TCKT

Còn lĩnh = $3,958,500 - 289,275 = 3,669,225$ đ

2.2.4. Sổ sách kế toán và chứng từ liên quan đến công tác quản lý và kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

a. Sổ kế toán.

Do đặc điểm kinh doanh, do trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng của cán bộ nhân viên phòng kế toán và căn cứ vào qui định chung của Tổng công ty Vận tải thủy, Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 đã áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật kí chung”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

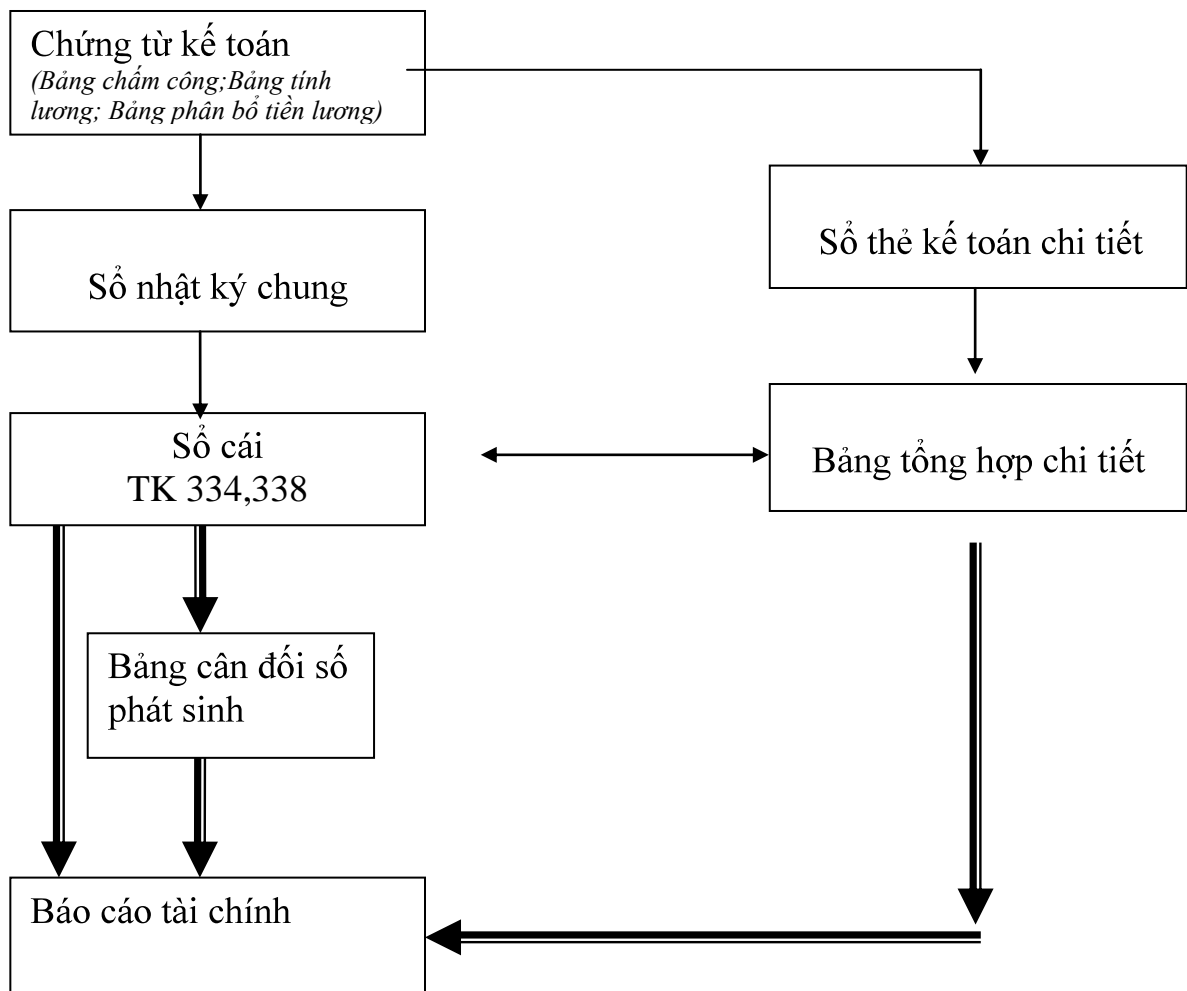
Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến hết ngày 31/12 năm báo cáo

Đơn vị tiền tệ áp dụng chung là đồng Việt Nam (VNĐ)

* Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức sổ kế toán **nhật ký chung**

Sơ đồ luân chuyển chứng từ của hình thức Nhật ký chung:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Ghi đối chiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

* Giải thích trình tự ghi chép trong hình thức sổ kế toán *Nhật ký chung*:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết ghi vào Nhật ký chung, sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ, thẻ chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung.

b. Chứng từ sử dụng ở công ty:

- - Bảng chấm công
- - Hợp đồng lao động
- - Danh sách cấp phát lương
- - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- - Các phiếu chi, các chứng từ tài liệu khác về các khoản tạm ứng, khấu trừ, trích nộp, ... liên quan.

2.2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ:

Các đơn vị lập bảng chấm công, gửi về phòng tổ chức lao động để theo dõi hạch toán lao động, sau đó chuyển cho phòng kế toán để lập danh sách cấp phát lương trình Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty ký duyệt. Sau đó kế toán thanh toán viết phiếu chi lương, lập bảng tổng hợp phân bổ “Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội” cho từng đối tượng sử dụng.

- Tài khoản sử dụng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

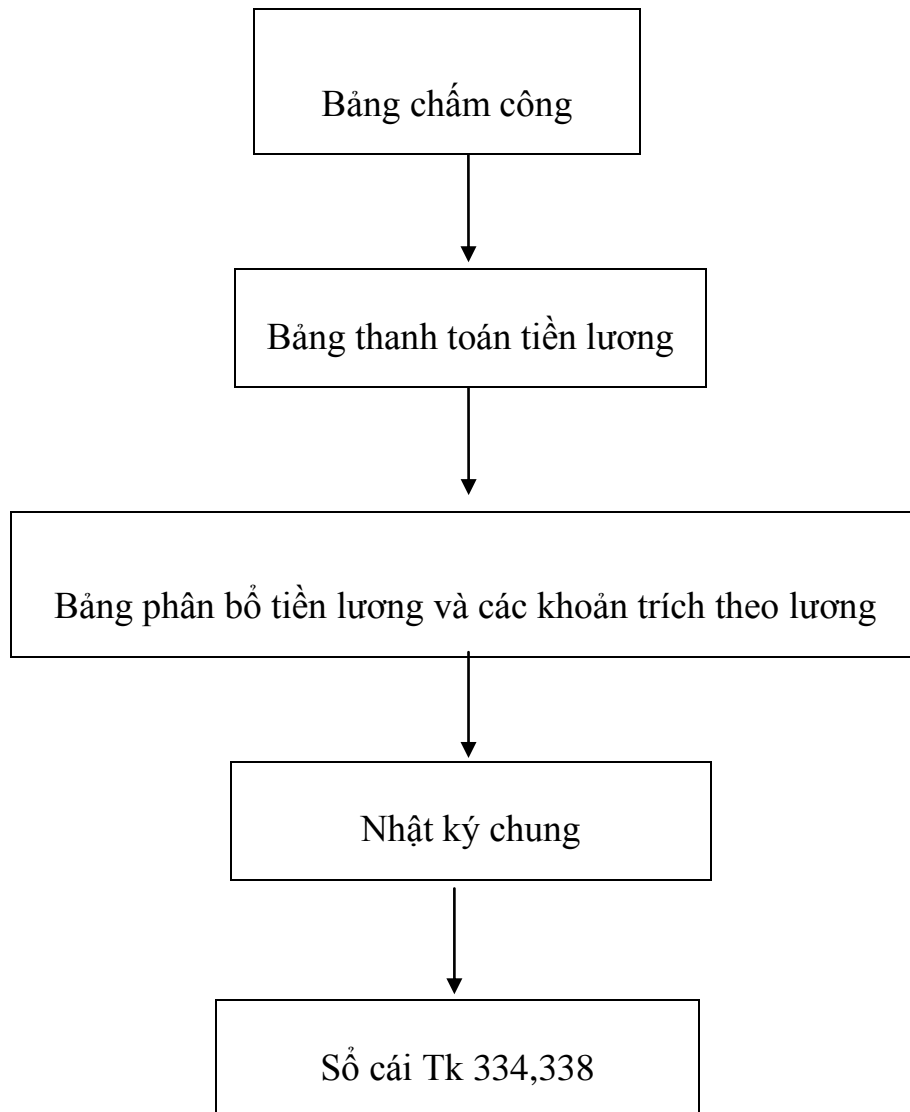
- TK 334 Phải trả công nhân viên.
- TK 338 Phải trả phải nộp khác.
- TK 3382 Kinh phí Công đoàn
- TK 3383 Bảo hiểm xã hội.
- TK 3384 Bảo hiểm y tế.
- TK3389 Bảo hiểm thất nghiệp
- Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK khác:
 - TK 141 Tạm ứng.
 - TK 622 Chi phí nhân công trực tiếp.
 - TK 627 Chi phí sản xuất chung.
 - TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - TK 335 Chi phí phải trả.

Hàng tháng trên cơ sở các chứng từ về lao động và tiền lương liên quan kế toán tiến hành phân loại, tổng hợp tiền lương phải trả cho từng đối tượng sử dụng, trong đó phân biệt lương cơ bản và các khoản khác để ghi vào các cột tương ứng thuộc TK 334 (Phải trả công nhân viên) vào từng dòng thích hợp trên bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.

Căn cứ vào tiền lương phải trả thực tế (lương chính, phụ cấp) và tỷ lệ qui định về các khoản: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN để tính trích và ghi vào cột TK338 (TK3382, TK3383, TK3384, TK 3389)

Căn cứ vào bảng chấm công hàng ngày của các đơn vị, kế toán lương lấy đó làm căn cứ để tính lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên

Sơ đồ luân chuyển chứng từ:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

Bảng chấm công
(Công nhân sản xuất trực tiếp)
Tháng 11 năm 2012

STT	Họ tên	Chức vụ	Các ngày trong tháng																			Quy ra số công					
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	...	24	25	26	27	28	29	30	31	Phộp	Hưởng lương thời gian	CN	Tổng	Hưởng BHXH
1	Lê Quang Dũng		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x		26		26	
2	Đặng Thanh Mai		x	x	x	0	x	x	x	x	x	/	0	...	x	0	/	x	x	x	/	x		26		26	
3	Nguyễn Trọng Tuấn		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x		24		24	
4	Vũ Thị Thơ		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	/	x		25		25	
5	Đặng Việt Cường		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x		25		25	
6	Trần Hoàng Hiệp		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x		26		26	
7	Phạm Hồng Ân		x	x	x	0	x	x	x	x	/	/	0	...	x	0	x	x	x	x	/	x		25		25	
8	Vũ Văn Đức		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x		24		24	

Bộ phận phụ trách
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Người chấm công
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ký hiệu trên bảng chấm công

Ôm , điều dưỡng	Ô		Nghỉ bù	B
Con ốm	Cô		Nghỉ không lương	Ro
Thai sản	TS		Ngừng việc	N
Tai nạn	T		Lao động nghĩa vụ	LĐ
Học quân sự	Q		Nghỉ không lý do	O

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

Trong tháng khi cán bộ công nhân viên bị ốm đau, tai nạn... Công ty sẽ tiến hành tính và chi trả trợ cấp BHXH cho họ. Trong thời gian nghỉ việc, không hưởng lương thông thường người lao động phải nộp cho kế toán tiền lương các chứng từ theo quy định như: giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế hoặc bệnh viện, giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng BHXH... Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán lập phiếu thanh toán trợ cấp BHXH cho người lao động.

Ví dụ : Trích một nghiệp vụ phát sinh trong tháng 11/2012 tại công ty

Anh Vũ Văn Dũng nghỉ 5 ngày vì ốm:

Trước hết anh Dũng phải viết đơn xin nghỉ việc vì ốm. Để nhận được sự trợ cấp của BHXH anh phải có một số giấy tờ sau:

TÊN CƠ SỞ Y TẾ :.....

GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ ỐM HƯỞNG BHXH

Quyển số :03
số:021

Họ và tên : Vũ Văn Dũng

Tuổi: 28

Đơn vị công tác: P. Sản xuất - Công ty CP Vận tải thủy số 4

Lý do nghỉ việc: Cắt amedan

Số ngày nghỉ : 5 ngày (từ ngày 12/11/2012 đến ngày 16/11/2012)...

Ngày 12 tháng 11 năm 2012

Xác nhận của phụ trách đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cán bộ y tế

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phần BHXH		
Số ngày thực nghỉ được hưởng BHXH:	05	ngày
Lũy kế ngày nghỉ cùng chế độ:	05	ngày
Lương tháng đóng BHXH:	3,780,000	đồng
Lương bình quân ngày :	145,384	đồng
Tỷ lệ hưởng BHXH:	75	%
Số tiền hưởng BHXH:	545,192	đồng
<i>Ngàytháng 11 năm 2012</i>		
CÁN BỘ CƠ QUAN BHXH ĐƠN VỊ	PHỤ TRÁCH BHXH CỦA	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

Mức lương đóng BHXH là : $3.6 * 1,050,000 = 3,780,000$ đồng

Theo quy định của BHXH nếu nghỉ ốm dưới 1 tháng thì được hưởng 75% lương cơ bản đóng BHXH. Vậy mức trợ cấp anh Dũng được hưởng là:

$$(3,780,000 * 75\%) / 26 * 5 = 545,192 \text{ đồng}$$

Cuối tháng kế toán công ty lập bảng thanh toán BHXH chuyển cho giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ phụ trách BHXH của công ty ký duyệt.

Công ty CP Vận tải thủy số 4

BẢNG THANH TOÁN TIỀN TRỢ CẤP BHXH

Tháng 11 năm 2012

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Năm sinh	Số ngày nghỉ	Số tiền trợ cấp (đồng)	Ký nhận
1	Vũ Văn Dũng	P. sản xuất	1982	05	545,192	
	Tổng				545,192	

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi năm nghìn một trăm chín mươi hai đồng

Ngày 31/11/2012

Giám đốc Kế toán trưởng Cán bộ phụ trách BHXH đơn vị Người lập biểu

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi lập bảng thanh toán trợ cấp BHXH, sang tháng sau kế toán viết phiếu chi thanh toán tiền trợ cấp cho cán bộ công nhân viên.

Công ty CP Vận tải thủy số 4

Mẫu số: 02-TT

Số: 436, Hùng Vương, Hồng Bàng

(Ban hành QĐ 15/2006/QĐ-BTC

TP Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của BT- BTC

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Quyển số:

Nợ 334: 545,192

Có 111: 545,192

Họ tên người nhận tiền: **Vũ Văn Dũng**

Địa chỉ: Công ty CP Vận tải thủy số 4

Lý do chi: Thanh toán tiền trợ cấp BHXH

Số tiền: **545,192 đồng**

(Viết bằng chữ): *Năm trăm bốn mươi năm nghìn một trăm chín mươi hai đồng.*

Kèm theo: chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Năm trăm bốn mươi năm nghìn một trăm chín mươi hai đồng/.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiền lương phải trả cho người lao động cùng các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ hợp thành chi phí nhân công trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Như vậy, đối với các doanh nghiệp nói chung hay đối với công ty nói riêng tiền lương phải trả cho công nhân là một bộ phận chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Nhận thức được tầm quan trọng của khoản mục chi phí này yêu cầu đặt ra với kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là làm sao tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Cuối tháng căn cứ vào các bảng thanh toán lương của toàn công ty kế toán tiền lương tiến hành lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

Từ bảng phân bổ kế toán tổng hợp sẽ ghi vào nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

Ví dụ : Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của khối gián tiếp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TÀI THỦY SỐ 4

Bảng chấm công
(Công nhân trực tiếp sản xuất)
Tháng 11 năm 2012

STT	Họ và tên	Chức vụ	Các ngày trong tháng																			Quy ra số công						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	...	24	25	26	27	28	29	30	31	Phép	Hưởng lương thời gian	CN	Tổng	Hưởng BHXH	
1	Huỳnh Chí Dũng		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x	x		26		26	
2	Đặng Trung Át		x	x	x	0	x	x	x	x	x	/	0	...	x	0	/	x	x	x	/	x		26		26		
3	Nguyễn Trọng Thi		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x	x		24		24	
4	Vũ Văn Thái		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	/	x		25		25		
5	Đặng Hồng Việt		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x	x		25		25	
6	Vũ Văn Cảnh		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x	x		26		26	
7	Phú Văn Diễm		x	x	x	0	x	x	x	x	/	/	0	...	x	0	x	x	x	x	/	x		25		25		
8	Vũ Văn Du		x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	...	x	0	x	x	x	x	x	x	x		24		24	

Bộ phận phụ trách <i>(Ký, họ tên)</i>	Người duyệt <i>(Ký, họ tên)</i>	Người chấm công <i>(Ký, họ tên)</i>
--	------------------------------------	--

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4**

Bộ phận: Văn Phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 11/2012

S T T	Họ và tên	Bậc lương	Tiền lương 1 tháng	Hệ số	Tiền lương					Cổ khoản khấu trừ			Thực lĩnh	Ký nhận	
					Lương thời gian		Phụ cấp hệ số	Làm thêm(1,5), lương lễ, phép		Tổng cộng	BHXH 7%	BHYT 1.5%			BHTN 1%
					Công	Tiền		Công	Tiền						
1	Vũ Văn Dũng	4.3	4,515,000	0.5	26	4,515,000	2,257,500	0	0	6,772,500	316,050	67,725	45,150	6,343,575	
2	Lê Bách Dũng	3.3	3,465,000	0.4	22	2,931,923	1,172,769	0	0	4,104,692	242,550	51,975	34,650	3,775,517	
3	Phạm Thị Duyên	3.3	3,465,000	0.4	26	3,465,000	1,172,769	0	0	4,637,769	242,550	51,975	34,650	4,308,594	
4	Nguyễn Thị Hạnh	2.96	3,108,000	0.4	26	3,108,000	1,243,200	0	0	4,351,200	217,560	46,620	31,080	4,055,940	
5	Lê Văn Duy	2.95	3,097,500	0.4	26	3,097,500	1,239,000	0	0	4,336,500	216,825	46,463	30,975	4,042,238	
6	Lê Thanh Hào	3.1	3,255,000	0.4	26	3,255,000	1,302,000	0	0	4,557,000	227,850	48,825	32,550	4,247,775	
7	Nguyễn Văn Tùng	3.3	3,465,000	0.4	21	3,465,000	1,386,000	0	0	4,851,000	242,550	51,975	34,650	4,521,825	
8	Mai Thị Thơm	3.2	3,360,000	0.4	26	3,360,000	1,344,000	0	0	4,704,000	235,200	50,400	33,600	4,384,800	
Tổng Cộng			27,730,500		199	27,197,423	11,117,238			38,314,661	1,941,135	415,958	277,305	35,680,264	

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2012

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cụ thể là tính lương cho phòng tài chính kế toán tháng 11 năm 2012. Trình tự kế toán như sau:

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 11/2012

Hải Phòng, ngày 31 tháng 11 năm 2012

STT	Bộ phận sử dụng	TK 334	TK 338					Tổng
			BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ(2%)	Cộng TK338	
1	TK642 Bộ phận khối gián tiếp	124,144,000	21,104,480	3,724,320	1,241,440	2,482,880	28,553,120	152,697,120
2	TK622 Bộ phận khối vận tải	637,953,000	108,452,010	19,138,590	6,379,530	12,759,060	146,729,190	784,682,190
	Cộng							937,379,310

Đơn vị: đồng

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng căn cứ vào bảng tính lương và bảng phân bổ lương của các bộ phận kế toán sẽ yêu cầu thủ quỹ viết phiếu chi tiền để trả lương :

Công ty CP Vận tải thủy số 4

Mẫu số: 02-TT

Số: 436, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BT-BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Quyển số: 751

Nợ TK: 334

Có TK: 111

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Hòa**

Địa chỉ: Phòng tài vụ

Lý do thanh toán: Thanh toán lương cho khối gián tiếp tháng 11/2012

Số tiền: **95.590.880 đồng**

(Viết bằng chữ): *Chín mươi năm triệu năm trăm chín mươi nghìn tám trăm tám mươi đồng /.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP Vận tải thủy số 4

Mẫu số: 02-TT

Số: 436, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành QĐ 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của BT-BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Quyển số: 751

Nợ TK: 334

Có TK: 111

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Hòa**

Địa chỉ: Phòng tài vụ

Lý do thanh toán: Thanh toán lương cho khối vận tải tháng 11/2012

Số tiền: **491.223.810 đồng**

(Viết bằng chữ): *Bốn trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm mười đồng./.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán căn cứ vào bảng đối chiếu nộp BHXH (biểu...) viết ủy nhiệm chi để gửi cho Ngân hàng để ngân hàng chuyển tiền cho cơ quan bảo hiểm.

Mẫu:

ỦY NHIỆM CHI

- Đề nghị ghi nợ TK:	Số tiền:
Số TK: 710A-01036	Bằng số: 129,556,490
Tên TK: Công ty CP Vận Tải Thủy số 4	Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu
Tại Ngân hàng Công thương Hồng Bàng HP	năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm
- Đề nghị ghi Có TK:	chín mươi đồng
Số TK:	Nội dung: Nộp BHXH
Tên TK: BHXH thành phố Hải Phòng	
Tại Ngân hàng NN&PTNT	

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

Sau khi Ngân hàng chuyển tiền cho công ty bảo hiểm thì gửi lại cho công ty CP Vận tải thủy số 4 giấy báo nợ. Mặt khác sau khi xem xét lại danh sách những người hưởng trợ cấp BHXH ngắn hạn, công ty BHXH sẽ gửi trả công ty số tiền đã trợ hộ công ty bảo hiểm bằng tiền gửi ngân hàng. Ngân hàng sẽ gửi cho Công ty CP Vận tải thủy số 4 giấy báo Có. Căn cứ vào giấy báo Nợ và giấy báo Có, kế toán vào Nhật ký chứng từ và sổ cái TK338.3.

Kế toán KPCĐ: cuối tháng căn cứ vào bảng thanh toán lương và bảng lương tổng hợp của công nhân kế toán trích 2% lương theo doanh thu và ghi vào sổ và ghi sổ chi tiết 338.2, phần ghi có khi có quyết định của Chủ tịch công đoàn công ty, kế toán trích nộp 2% kinh phí công đoàn cho cấp trên và khi nộp kế toán viết phiếu chi. Sau đó căn cứ vào phiếu chi kế toán vào nhật ký chung và sổ cái TK338.2.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP Vận tải thủy Số 4
Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Quyền số 760

PHIẾU CHI

Họ và tên người nhận tiền: **Nguyễn Thu An**

Địa chỉ: Chủ tịch công đoàn

Lý do chi: Nộp KPCĐ cho cấp trên

Số tiền: **15.241.940 đồng**

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập phiếu
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4**

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2012 Đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
				
31/12/2012	BPBL12	Tính tiền lương cho khối gián tiếp	642	124,144,000	
			334		124,144,000
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHXH cho khối gián tiếp	642	21,104,480	
			334	8,690,080	
			3383		29,794,560
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHYT cho khối gián tiếp	642	3,724,320	
			334	1,862,160	
			3384		5,586,480
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHTN cho khối gián tiếp	642	1,241,440	
			334	1,241,440	
			3389		2,482,880
31/12/2012	BTTL12	Trích KPCĐ cho khối gián tiếp	642	2,482,880	
			3382		2,482,880

Sinh viên: Phạm Minh Ngọc

Lớp: QTL501K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

31/12/2012	BPBL12	Tính tiền lương cho khối vận tải	622	637,953,000	
			334		637,953,000
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHXH cho khối vận tải	622	108,452,010	
			334	44,656,710	
			3383		153,108,720
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHYT cho khối vận tải	622	19,138,590	
			334	9,569,295	
			3384		28,707,885
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHTN cho khối vận tải	622	6,379,530	
			334	6,379,530	
			3389		12,759,060
31/12/2012	BTTL12	Trích KPCĐ cho khối vận tải	622	12,759,060	
			3382		12,759,060
	
		Tổng cộng		5,342,856,123	5,342,856,123

Ngày...tháng....năm....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên và đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

SỔ CÁI

TK 334 – Phải trả người lao động
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.Ư	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>75,835,065</u>
	
31/12/2012	BTTL12	Tính tiền lương cho khối gián tiếp	642		124,144,000
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHXH cho khối gián tiếp	3383	8,690,080	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHYT cho khối gián tiếp	3384	1,862,160	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHTN cho khối gián tiếp	3389	1,241,440	
31/12/2012	BTTL12	Tính tiền lương cho khối vận tải	622		637,953,000
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHXH cho khối vận tải	3383	44,656,710	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHYT cho khối vận tải	3384	9,569,295	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHTN cho khối vận tải	3389	6,379,530	
	
		Cộng PS		1,186,813,144	1,380,389,264
		Tồn cuối kỳ			269,411,185

Ngày.... tháng.... năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên và đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

SỔ CÁI

TK 3383 – BHXH

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>56,231,123</u>
	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHXH cho khối gián tiếp	642		21,104,480
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHXH cho khối gián tiếp từ lương của NV	334		8,690,080
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHXH cho khối vận tải	622		108,452,010
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHXH cho khối vận tải từ lương của NV	334		44,656,710
	
		Cộng PS		46,576,853	154,231,010
		Tồn cuối kỳ			163,885,280

Ngày.... tháng.... năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên và đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Công ty Cổ phần CP Vận tải thủy 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

SỔ CÁI

TK 3384 – BHYT

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>8,740,560</u>
	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHYT cho khối gián tiếp	642		3,724,320
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHYT cho khối gián tiếp từ lương của NV	334		1,862,160
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHYT cho khối vận tải	622		19,138,590
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHYT cho khối vận tải từ lương của NV	334		9,569,295
	
		Cộng PS		9,565,456	89,888,789
		Tồn cuối kỳ			89,063,893

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

SỔ CÁI

TK 3389 – BHTN

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>4,500,876</u>
	
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHTN cho khối gián tiếp	642		1,241,440
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHTN cho khối gián tiếp từ lương của NV	334		1,241,440
31/12/2012	BPBL12	Trích nộp BHTN cho khối vận tải	622		6,379,530
31/12/2012	BTTL12	Trích nộp BHTN cho khối vận tải từ lương của NV	334		6,379,530
	
		Cộng PS		6,780,000	106,340,789
		Tồn cuối kỳ			104,061,665

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4

SỔ CÁI

TK 3382 – KPCĐ

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			8,711,888
	
31/12/2012	BPBL12	Trích KPCĐ cho khối gián tiếp	642		2,482,880
31/12/2012	BPBL12	Trích KPCĐ cho khối vận tải	622		12,759,060
	
		Cộng PS		5,220,584	81,136,981
		Tồn cuối kỳ			84,628,285

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN
LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI
CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4**

3.1. Nhận xét về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty

Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 là doanh nghiệp Nhà nước của ngành giao thông vận tải đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, có nhiệm vụ chính là vận tải than từ các mỏ Quảng Ninh về các nhà máy: điện Phả Lại, điện Ninh Bình... : vận tải xi măng, clanhke, phục vụ các nhà máy xi măng và các ngành kinh tế quốc dân bằng phương tiện vận tải thủy.

Với tiềm năng lao động sẵn có với tính ưu việt và điều kiện tự nhiên ưu đãi, với ưu thế về địa lý là nằm giữa tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh – một khu vực kinh tế đầy năng động, Công ty cổ phần vận tải thủy số 4 đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cơ bản là: duy trì và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, giữ vững tốc độ tăng trưởng về kinh tế, ổn định việc làm, từng bước cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty; phát triển đội ngũ phương tiện đảm bảo luôn luôn ổn định; sắp xếp lực lượng lao động hợp lý, giải quyết tốt chính sách lao động già yếu và bổ sung lao động mới có tay nghề trẻ khỏe; mở rộng và đa dạng hoá nhiều ngành nghề sản xuất khai thác triệt để mọi tiềm năng, tăng nguồn doanh thu từ sản xuất khác để tăng nguồn vốn phát triển...

Với những thành quả đạt được trong những năm qua, đến nay công ty đã tạo được uy tín lớn của mình trong ngành vận tải, đứng vững dưới sức ép cạnh tranh gay gắt trên thị trường vận tải thủy nội địa, khẳng định vị thế của công ty trên thương trường.

Sở dĩ , có được kết quả đó là do công ty đã không ngừng đổi mới và xây dựng nên một mô hình quản lý hạch toán kinh tế phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Trợ giúp đắc lực cho việc ra những quyết định đúng đắn của lãnh đạo công ty phải kể đến phòng tài chính kế toán của công ty. Phòng tài chính kế toán có đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, trình độ, nhiệt tình, trung thực xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán và ghi chép khoa học hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm:

*** Về công tác kế toán**

- Về bộ máy kế toán

Hiện nay, với 8 nhân viên kế toán, hệ thống kế toán của công ty tương đối hoàn chỉnh, công tác kế toán gần như được chuyên môn hoá cao. Những nhân viên có trình độ năng lực, trung thực được bố trí sắp xếp công việc phù hợp với từng người đã góp phần đắc lực trong công tác quản lý của công ty.

Các nhân viên trong phòng Kế toán với kinh nghiệm nghề nghiệp đã nhanh chóng thích ứng với phần mềm kế toán mới, việc áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động, hạch toán và quản lý kinh tế của công ty.

- Về hình thức sổ kế toán:

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức sổ nhật ký chung, đã ghi chép đầy đủ chính xác số liệu tính toán, cũng như đối chiếu giữa các sổ sách được phù hợp. Hệ thống sổ sách của công ty tương đối hoàn thiện, hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ, đúng mẫu qui định của Ban tổ chức và Ban quản lý. Hệ thống sổ chi tiết được lập trên cơ sở yêu cầu quản lý của công ty và xí nghiệp, đảm bảo quan hệ đối chiếu tổng hợp.

- Về công tác quản lý

Sau quá trình tìm hiểu về công tác quản lý, công tác kế toán lương và các

khoản trích theo lương em thấy công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kế toán khoa học, hợp lý và có hiệu quả phù hợp với tính chất đặc điểm của ngành vận tải.

Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng của công ty thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho giám đốc một cách có hiệu quả, nhằm giúp cho lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Về hình thức trả lương:

Với hình thức trả lương theo doanh thu và với mức lương ổn định và tăng dần của công ty đã làm cho cán bộ công nhân viên thực sự tin tưởng và gắn bó với công ty cùng với sự điều hành của ban lãnh đạo cũng như sự lao động hiệu quả của phòng kế toán, các công việc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương luôn đảm bảo sự công bằng hợp lý chính xác đã làm cho CBCNV yên tâm lao động, nhiệt tình hăng say cho công việc. Do vậy công ty đã ngày càng phát triển hơn, đời sống CBCNV ngày càng được đảm bảo và nâng cao.

3.1.2. Nhược điểm:

Là một doanh nghiệp Nhà nước nên Công ty vẫn còn những tồn tại của cơ chế bao cấp như: Lãng phí về lao động ở khối phòng ban, không giao việc cụ thể.

-Việc phân loại lao động hưởng theo lương thời gian vẫn còn được sử dụng theo lương cấp bậc để tính.

-Bộ máy quản lý điều hành của công ty vẫn còn cồng kềnh, chưa thực sự phù hợp với tình hình của công ty hiện nay, điều này làm cho chi phí quản lý cũng tăng lên.

-Mẫu sổ kế toán mà doanh nghiệp sử dụng chưa đúng với mẫu sổ kế toán do nhà nước yêu cầu: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 334,338.

-Công ty chưa áp dụng trích trước tiền lương nghỉ phép cho cán bộ công nhân viên.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty.

Trên cơ sở khảo sát thực tế và phân tích về tiền lương ở Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở công ty như sau:

+) Ý kiến 1: Về thủ tục và các chứng từ khi tiến hành tính lương:

_ Việc chấm công cần phải quan tâm chặt chẽ tới đội ngũ lao động gián tiếp hưởng lương theo ngày công, nêu rõ trường hợp đi muộn về sớm thậm chí làm việc nửa ngày để đảm bảo sự công bằng cho những người thực hiện nghiêm chỉnh giờ hành chính tại cơ quan.

_ Mỗi bảng ứng lương dự án đối với các bộ phận trực tiếp sản xuất cần ghi rõ dự án tránh trường hợp nhầm lẫn đã xảy ra khi ứng lương mà ghi nhầm vào dự án. Mặt khác các dự án có tên gần sát hoặc trùng nhau, chỉ khác tên chủ đầu tư nên khi kế toán lương đối chiếu với kế toán công nợ hoặc kế toán chi tiết mới thấy sự nhầm lẫn đó.

+) Ý kiến 2: Về mẫu sổ mà doanh nghiệp sử dụng:

Hiện nay công ty đang sử dụng mẫu sổ Nhật ký chung (NKC) và Sổ cái TK334,338 không đúng theo qui định hiện hành, các thông tin trên sổ NKC và Sổ cái TK334,338 còn thiếu. Do đó, để đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành về mẫu sổ, em xin đề xuất doanh nghiệp nên sử dụng mẫu sổ NKC và Sổ cái TK334,338 theo qui định hiện hành :

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Vận tải thủy số 4

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: 436, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
31/12/2012	BTTL12	31/12/2013	Tính tiền lương cho khối gián tiếp	✓	968	642	124,144,000	
31/12/2012	BPBL12	31/12/2013	Trích các khoản trích theo lương cho khối gián tiếp	✓	969 970 971 972	334 642 334 338	124,144,000 28,553,120 11,793,680	124,144,000
31/12/2012	BTTL12	31/12/2012	Tính tiền lương cho khối vận tải	✓	973	622	637,953,000	
31/12/2012	BPBL12	31/12/2012	Trích các khoản trích theo lương cho khối vận tải	✓	974 975 976 977	334 622 334 338	637,953,000 146,729,190 60,605,535	637,953,000
			Cộng chuyển sang trang sau	x		x		207,334,725

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Vận tải thủy số 4.

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ: 436, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2012

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu : 334

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					75,835,065
31/12/2012	BTTL12 BPBL12	31/12/2012	Tính tiền lương cho khối gián tiếp			642		124,144,000
31/12/2012	BTTL12	31/12/2012	Trích các khoản theo lương cho khối gián tiếp			338	11,793,680	
31/12/2012	BPBL12	31/12/2012	Tính tiền lương cho khối vận tải Trích các khoản theo lương cho khối vận tải			622		637,953,000
31/12/2012		31/12/2012 - Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý			338	60,605,535	
							1,186,813,144	1,380,389,264
								269,411,185

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

+ Ý kiến 3: Về việc áp dụng trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân viên:

Hàng năm theo quy định công nhân trong danh sách của doanh nghiệp được nghỉ phép mà vẫn hưởng đủ lương. Tiền lương nghỉ phép được tính vào

chi phí sản xuất một cách hợp lý vì nó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Nếu doanh nghiệp bố trí cho công nhân nghỉ đều đặn trong năm thì tiền lương nghỉ phép được tính trực tiếp vào chi phí sản xuất (như khi tính tiền lương chính), nếu doanh nghiệp không bố trí cho công nhân nghỉ phép đều đặn trong năm, để đảm bảo cho giá thành không bị đột biến tăng lên, tiền lương nghỉ phép của công nhân được tính vào chi phí sản xuất thông qua phương pháp trích trước theo kế hoạch. Cuối năm sẽ tiến hành điều chỉnh số trích trước theo kế hoạch cho phù hợp với số thực tế tiền lương nghỉ phép. Trích trước tiền lương nghỉ phép chỉ được thực hiện đối với công nhân trực tiếp sản xuất. Tỷ lệ trích trước theo kế hoạch tiền lương của công nhân $sx = \text{Tổng tiền lương nghỉ phép phải trả cho CNSX theo kế hoạch trong năm} / \text{Tổng tiền lương chính phải trả cho CNSX theo kế hoạch trong năm}$

Tổng tiền lương nghỉ phép phải trả cho CNSX theo kế hoạch trong năm = Số CNSX trong doanh nghiệp * mức lương bình quân 1 CNSX * Số ngày nghỉ phép thường niên 1 CNSX

1. Tài khoản sử dụng: TK 335 “ Chi phí phải trả”

SDĐK : khoản đã trích trước chưa sử dụng hết còn tồn đầu kỳ

- Các khoản chi phí thực tế phát sinh được tính vào chi phí phải trả

- Các khoản chi phí đã được trích trước vào chi phí sxkd

- Số chênh lệch về chi phí phải trả > số chi phí thực tế được ghi giảm chi phí

SDCK: Khoản đã trích trước chưa sử dụng hết còn tồn cuối kỳ

2. Định khoản nghiệp vụ phát sinh :

(1) Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất :

Nợ TK 622

Có TK 335

(2) Khi thực tế phát sinh tiền lương nghỉ phép phải trả cho công nhân sản xuất :

Nợ TK335

Có TK 334

(3) Khi trích trước tiền lương nghỉ phép kế toán chưa trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo khoản lương này. Do đó khi nào đã xác định được tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả thì kế toán mới tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả :

Nợ TK 622 : Phần tính vào chi phí

Nợ TK 334 : Phần khấu trừ vào lương

Có TK 338 : Trích trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả

(4) Cuối năm tiến hành điều chỉnh số trích trước theo số thực tế phải trả. Nếu có chênh lệch sẽ xử lý như sau:

- Nếu Số thực tế phải trả > số trích trước, kế toán tiến hành trích bổ sung phần chênh lệch vào chi phí :

Nợ TK 622

Có TK 335

- Nếu Số thực tế phải trả < số trích trước, kế toán hoàn nhập số chênh lệch để ghi giảm chi phí :

Nợ TK 335

Có TK 622

Trên đây là một số ý kiến đánh giá và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và việc nâng cao hiệu quả sử dụng lao động ở Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 được rút ra từ quá trình thực tập tại công ty. Hi vọng rằng trong thời gian tới công ty có những giải pháp nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo của người lao động, và có điều kiện động viên kịp thời người lao động bằng các đòn bẩy kinh tế mà xí nghiệp có khả năng thực hiện.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế hàng hoá, tiền tệ buộc các doanh nghiệp phải đối mặt với thị trường, để tồn tại, phát triển và kinh doanh có hiệu quả thì bên cạnh các hoạt động đa dạng và phong phú về sản xuất kinh doanh, tất yếu các doanh nghiệp phải có một cơ chế dự báo, kiểm tra, giám đốc một cách toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp là công việc ít nghiệp vụ và đơn giản, tuy nhiên để hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương vừa là công cụ hữu hiệu cho nhà quản lý vừa là chỗ dựa đáng tin cậy cho người lao động thì không phải doanh nghiệp nào cũng làm được. Điều này đòi hỏi phải có sự kết hợp khéo léo giữa các chế độ lao động tiền lương hiện hành và đặc thù lao động tại đơn vị.

Kế toán cần nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải căn cứ vào mô hình chung đặc trưng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cùng những qui định về ghi chép luân chuyển chứng từ để có hướng hoàn thiện thích hợp. Mặt khác khi hạch toán tiền lương cũng như hạch toán kế toán phần hành kế toán phải cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác nhất cho các nhà quản lý, qua đó góp phần quản trị nhân sự, đề ra biện pháp tăng năng suất lao động.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 mặc dù chỉ đi sâu vào vấn đề lao động tiền lương của Công ty nhưng qua đó có thể thấy được vai trò, tác dụng của việc tổ chức hạch toán tiền lương trong công tác quản lý hoạt động của Công ty.

Do điều kiện thời gian tiếp xúc với công việc thực tế không nhiều, kiến thức học ở trường về lao động tiền lương chưa sâu, kinh nghiệm viết đề tài còn ít ỏi nên khó tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình thực hiện viết chuyên đề. Rất mong được thầy cô hướng dẫn chỉ bảo thêm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Qua bài viết này, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình cho em trong quá trình viết khóa luận.

Em cũng xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4, bộ phận kế toán kế toán đã nhiệt tình giúp đỡ và cung cấp số liệu cho bài viết này.